

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



SO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Vũ Thị Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Hương

Mã SV: 1412401250

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - ✓ Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2017 tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt

.....

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1.Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.1.Sự cần thiết phải công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.2.Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	3
1.1.2.1. Doanh thu	3
1.1.2.2. Chi phí.....	6
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	8
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.	9
1.2. Nội dung công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	10
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	10
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	10
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	11
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	12
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	12
1.2.2.3 Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho.....	15
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	15
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	18
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	18
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	18
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	19
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	22
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	22
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	22

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	22
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	24
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	24
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	24
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	24
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	27
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	27
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	28
1.3. Công tác vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	29
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	29
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	30
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	31
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	32
CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT	33
2.1. Khái Quát Chung về Công Tác kế toán tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt.....	33
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	33
2.1.2 Đặc điểm công tác kinh doanh tại công ty.....	34
2.1.2.1 Lĩnh vực hoạt động của cty	34
2.1.2.2 Bộ máy quản lý của công ty	34
2.1.2.3 Đặc điểm công tác công tác kế toán.....	35
2.1.3 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	36
2.1.4 Công tác hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	36
2.1.5 Công tác hệ thống sổ kế toán.....	37
2.1.6 Công tác hệ thống báo cáo tài chính	37
2.2.1.Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.	40
2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	40
2.2.1.3 Quá trình hạch toán.....	41
2.2.1.4 Ví dụ minh họa	42
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt.....	49
2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt.	49

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	49
2.2.2.3 Quy trình hạch toán	49
2.2.2.4 Ví dụ minh họa	51
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	56
2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cp Công nghiệp Bắc Việt.....	56
2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	56
2.2.3.3 Quy trình hạch toán	56
2.2.3.4 Ví dụ minh họa	57
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	63
2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt.....	63
2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	63
2.2.4.3 Quy trình hạch toán	63
2.2.4.4 Ví dụ minh họa	64
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác : Công ty ko có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ nghiên cứu.	70
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt.....	70
2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	70
2.2.6.2 Quy trình hạch toán	70
2.2.6.3 Ví dụ minh họa	70
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT	80
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CPCN Bắc Việt.....	80
3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.1.2.Hạn chế.....	81
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.	81
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.	82

3.4. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt.	82
3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.	82
3.4.2 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu và giá vốn hàng bán.	83
3.4.3 Kiến nghị 3: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.	86
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	94

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1- Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	12
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	16
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	20
Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	23
Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	25
Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	28
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	29
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	30
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	31
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	32
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quản lý bộ máy của công ty.....	34
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy công tác kế toán tại công ty	35
Sơ đồ 2.3.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	38
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt.....	41
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty CP Công	50
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	57
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính của Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Giấy báo có.....	45
Biểu số 2.2: Giấy báo có.....	46
Biểu số 2.3: Trích sổ nhật ký chung	47
Biểu số 2.4: Trích sổ cái TK 511	48
Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 960	52
Biểu số 2.6: Trích sổ nhật ký chung	53
Biểu số 2.7: Trích sổ chi tiết hàng hóa	54
Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 632.....	55
Biểu số 2.9: Hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT	59
Biểu số 2.10: Phiếu chi 663.....	60
Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung	61
Biểu số 2.12: Trích Sổ cái TK 642	62
Biểu số 2.13: Phiếu chi 694.....	65
Biểu số 2.14: Giấy báo Có.....	66
Biểu số 2.15: Trích Sổ Nhật ký chung.....	67
Biểu số 2.16: Trích Sổ cái TK 635	68
Biểu số 2.17: Trích Sổ cái TK 515	69
Biểu số 2.18: Phiếu kế toán	71
Biểu số 2.19: Phiếu kế toán	72
Biểu số 2.20: Phiếu kế toán	73
Biểu số 2.21: Phiếu kế toán	74
Biểu số 2.22: Trích sổ nhật ký chung	75
Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 911	76
Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK 421	77
Biểu số 2.25: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	78
Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng	84
Biểu số 3.2 – Sổ chi tiết giá vốn	85

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế thị trường hiện nay trong xu thế mở cửa và hội nhập mang lại nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp. Quá trình hội nhập đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường, học hỏi kinh nghiệm quản lý kinh doanh, tiếp cận khoa học kỹ thuật... đồng thời cũng đẩy các doanh nghiệp vào thế cạnh tranh quyết liệt. Trước sự phát triển kinh tế ngày càng mạnh của các cường quốc kinh tế trên thế giới, cùng với đó là những hạn chế yếu kém vốn có của nền kinh tế trong nước buộc các doanh nghiệp phải thích ứng và vươn lên để tồn tại. Để có thể tồn tại lâu hơn và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các công tác tài chính,... Các thông tin này được kế toán công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có được số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh có độ tin cậy cao thì cần công tác đội ngũ nhân viên và quy trình kế toán sao cho phù hợp với thực trạng đơn vị mình, ít tốn kém và mang lại hiệu quả. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp. Kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng nhờ một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh hiện nay.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, được sự chấp thuận của Ban giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt cùng sự hướng dẫn của thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang, em xin chọn đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô giáo khoa kế toán, kiểm toán trong trường đặc biệt là GV – Ths Ninh Thị Thùy Trang đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành bài khóa luận này. Em cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty. Do thời gian và trình độ có hạn nên bài

viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán.

- Phương pháp thống kê và so sánh.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

5. Kết cấu của khóa luận.

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận, gồm 03 chương nội dung:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt

CHƯƠNG 1:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu hoá chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước.

1.1.2. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu

được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyên, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

• Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- + *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người

mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

+ *Tiêu thụ theo phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đổi đi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa đó trên thị trường.

❖ **Doanh thu thuần**: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm**:

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh:** chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- **Chi phí bán hàng:** bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

❖ **Chi phí tài chính:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

❖ **Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:
 - + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí quản lý kinh doanh
---	----------	--	----------	-------------------------	----------	-----------------------------------

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

Lợi nhuận tài chính	-	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
----------------------------	----------	--------------------------------------	----------	--------------------------

+ Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

Lợi nhuận hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
---------------------------------	----------	----------------------	----------	---------------------

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi} & & & & & & \\ \text{nhuận kế} & & & & & & \\ \text{toán trước} & = & \text{Lợi nhuận} & + & \text{Lợi nhuận} & + & \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuế} & & \text{từ hoạt} & & \text{từ hoạt} & & \text{khác} \\ & & \text{động} & & \text{động tài} & & \\ & & \text{SXKD} & & \text{chính} & & \end{array}$$

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{toán trước thuế} & & \text{thuế TNDN} \end{array}$$

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau} & & & & & & \\ \text{thuế TNDN} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & - & \text{Thuế TNDN} \\ & & \text{toán trước thuế} & & \text{phải nộp} \end{array}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo các chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị ...

- Lựa chọn phương án và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

a) Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;

b) Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

c) Doanh thu khác.

Kết cấu tài khoản 511

Bên nợ:

- Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.

Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hoá, vật tư, lương thực,...

- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác:* Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- Thông tư 133/2016/TT-BTC đã bỏ hết các tài khoản theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu như hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại.

- Khi có các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ thì kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Có TK 111, 112, 131 (số tiền giảm trừ)

❖ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

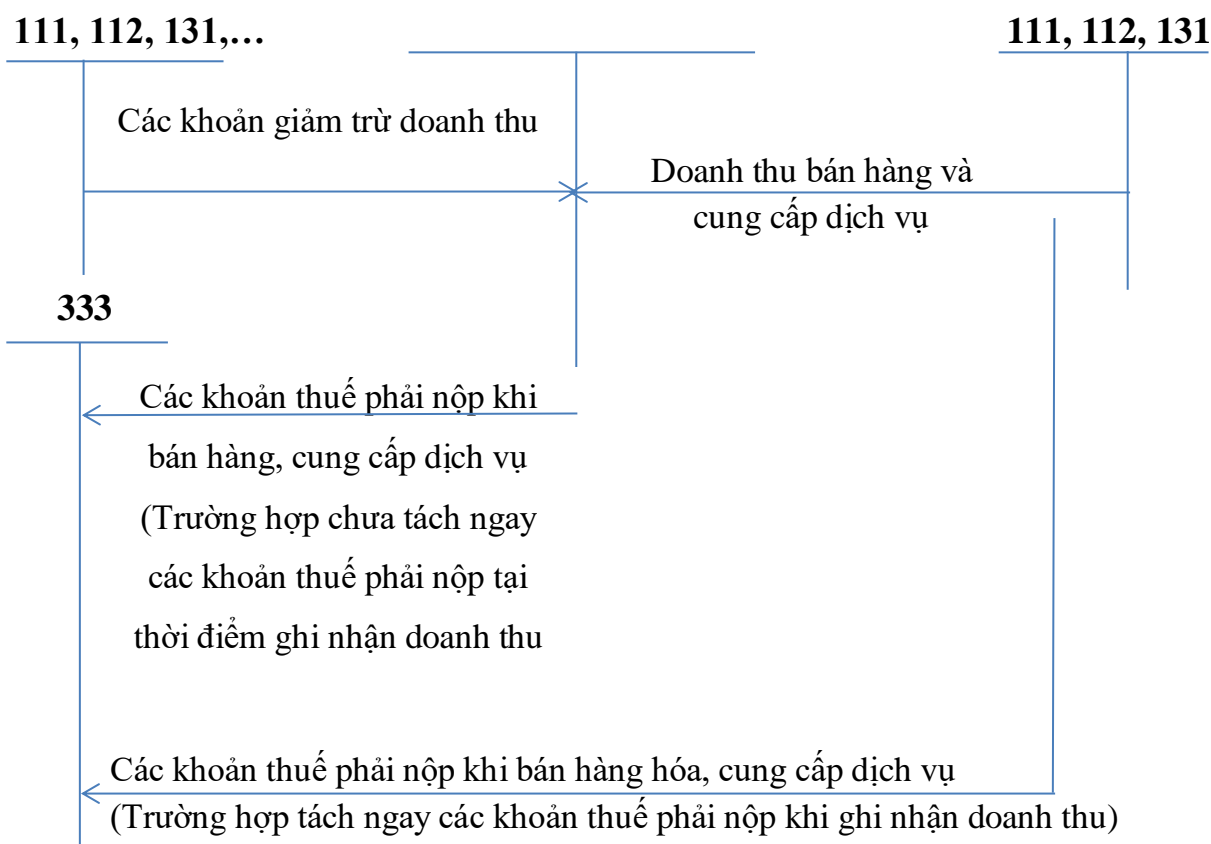
Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát sơ đồ 1.1 như sau:

511

Doanh thu bán hàng
và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.1- Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho...
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

Kết cấu tài khoản 632

❖ **Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Bên Nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:

- + Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ;
- + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT;
- + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;
- + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ;
- + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ;
- + Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá;
- + Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Trị giá hàng bán bị trả lại;
- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh);

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;

- Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại;

- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”;

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

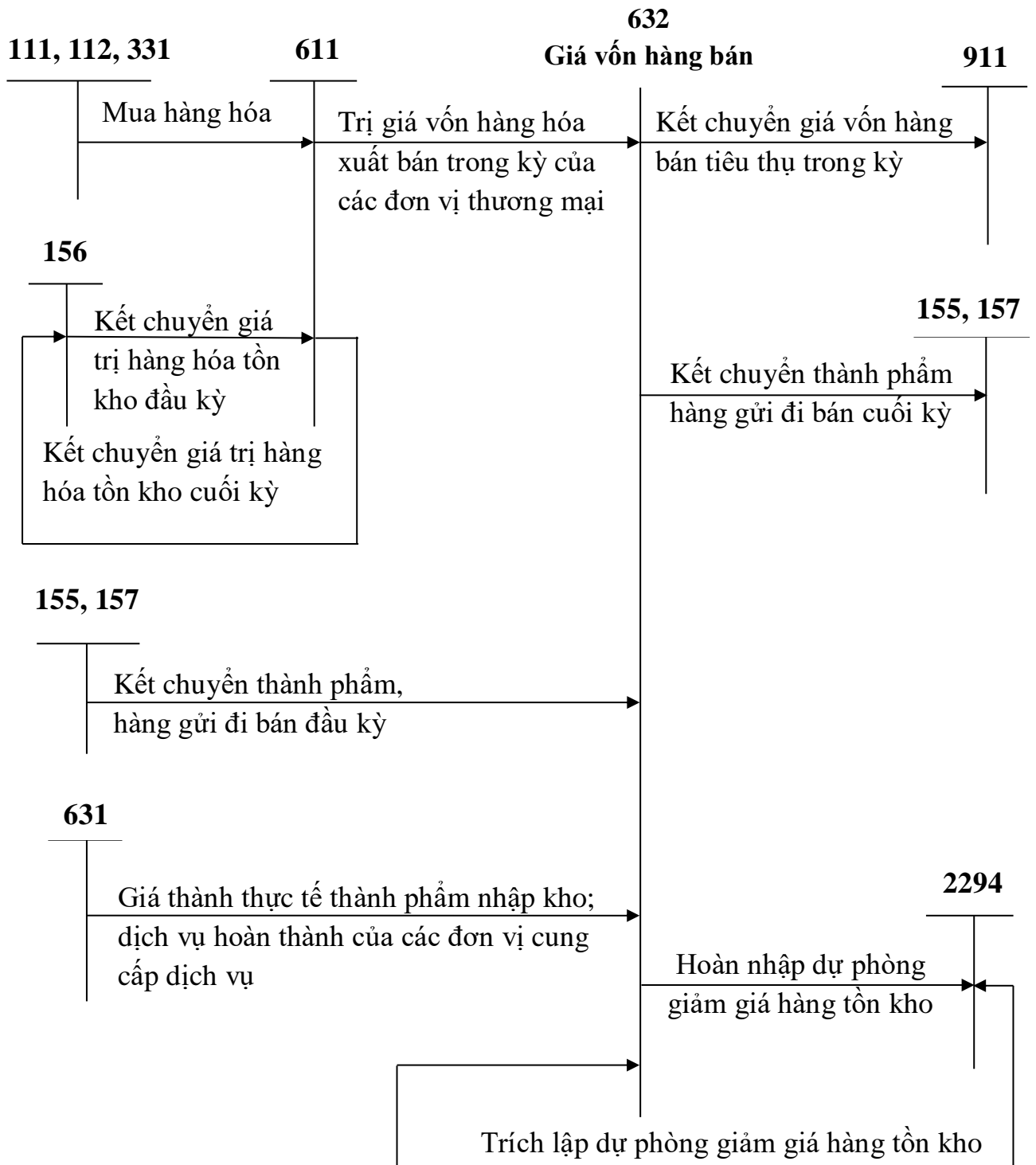
1.2.2.3 Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp giá thực tế đích danh
- Phương pháp giá bình quân
 - + Bình quân gia quyền cuối kỳ
 - + Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập
- Phương pháp FIFO: nhập trước xuất trước
- Phương pháp giá bán lẻ.

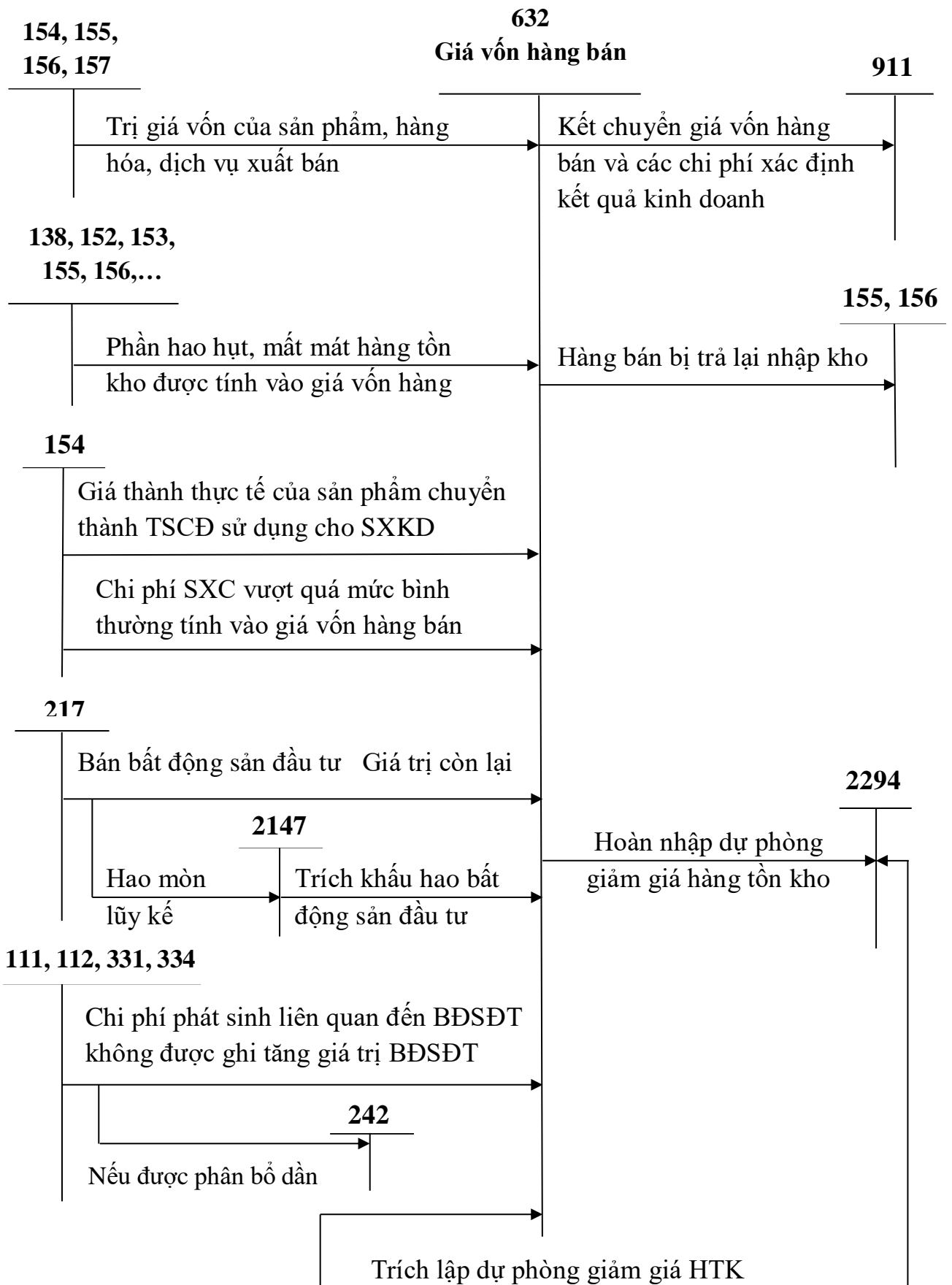
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 515

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

Kết cấu tài khoản 635

Bên nợ:

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước).

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;

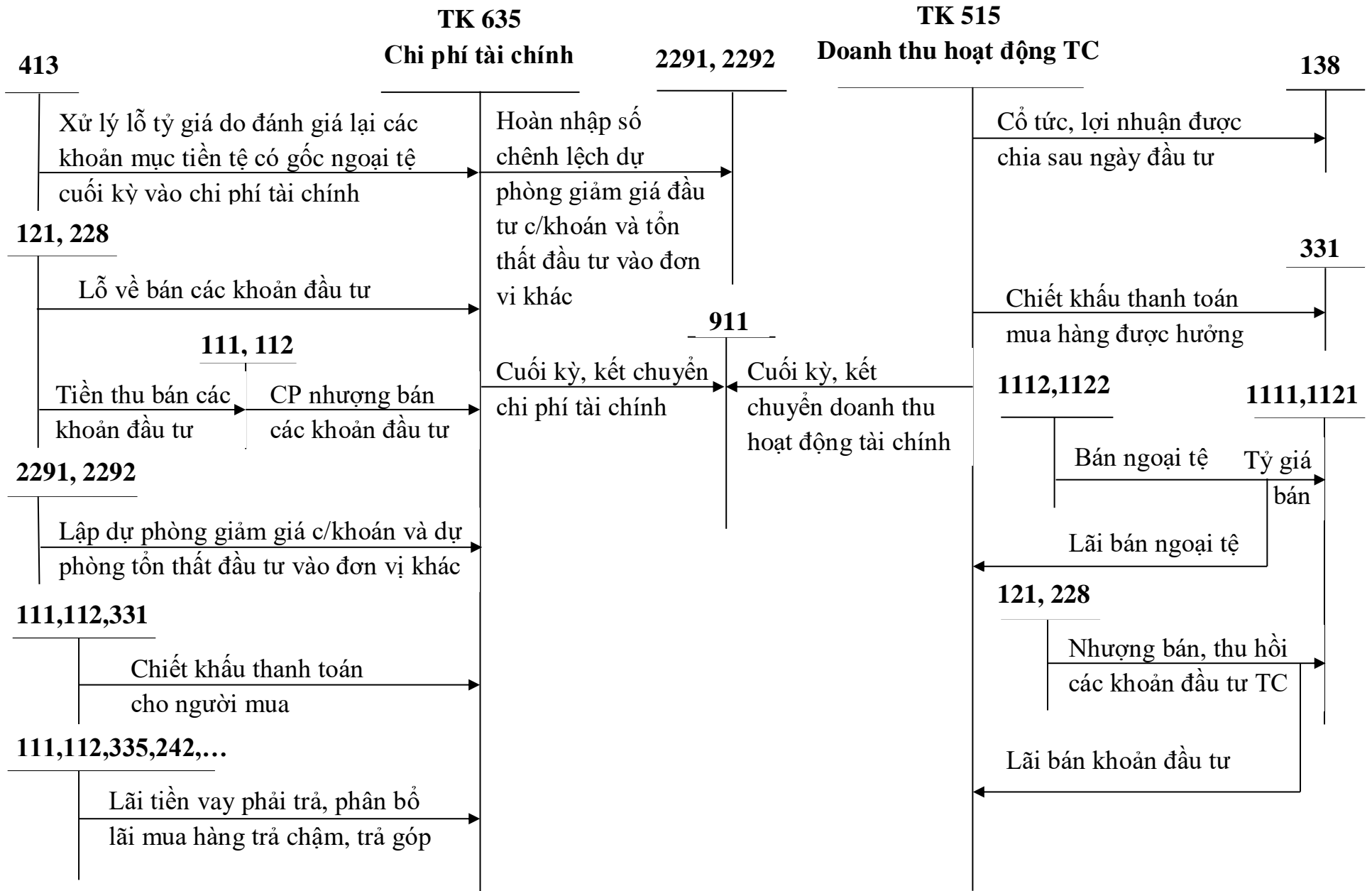
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh..

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

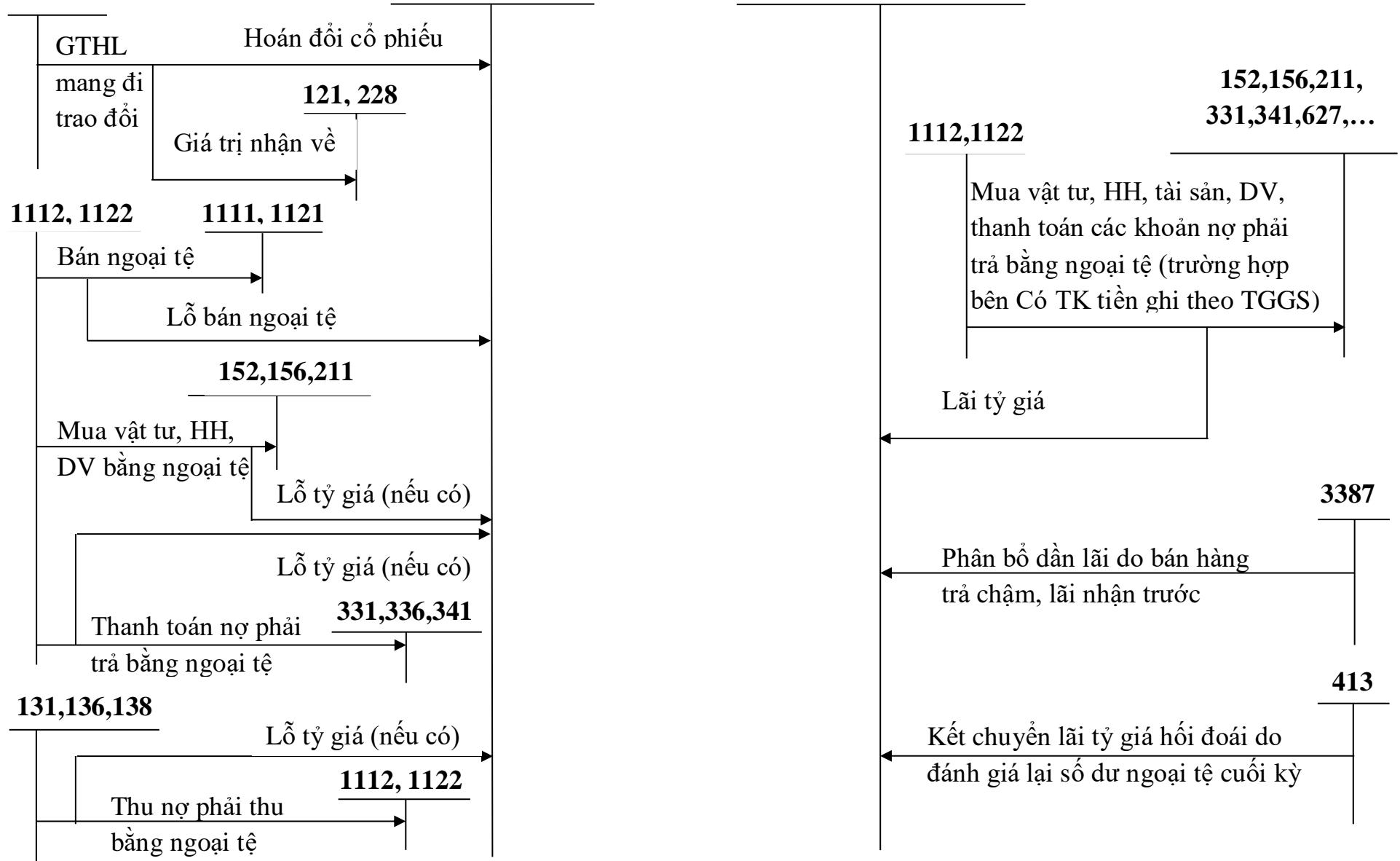
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



(tiếp)



1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy báo nợ, phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh doanh nghiệp như bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

Kết cấu tài khoản 642

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Bên Có:

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

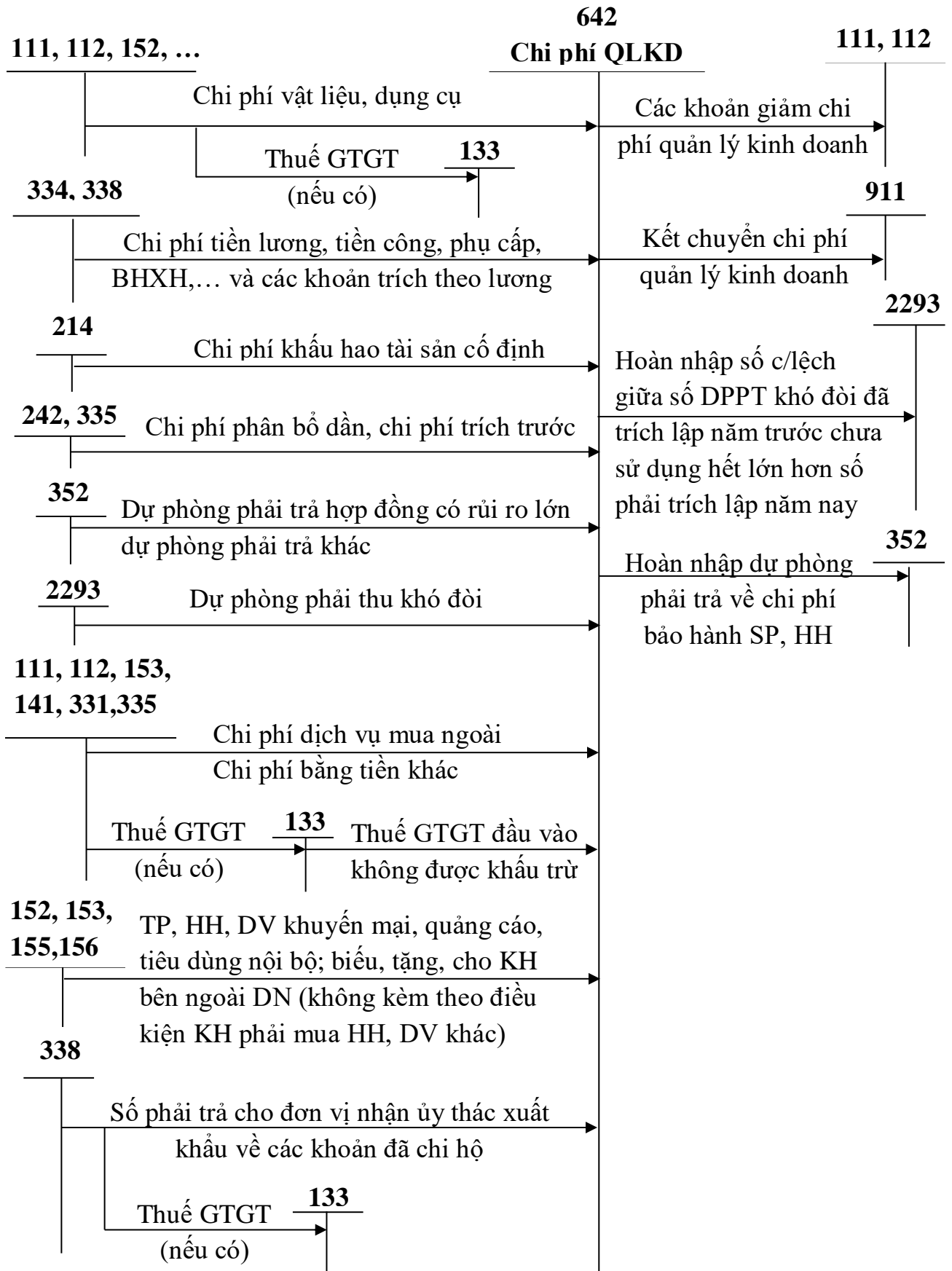
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 sau:

Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 711

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 - Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 811

Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

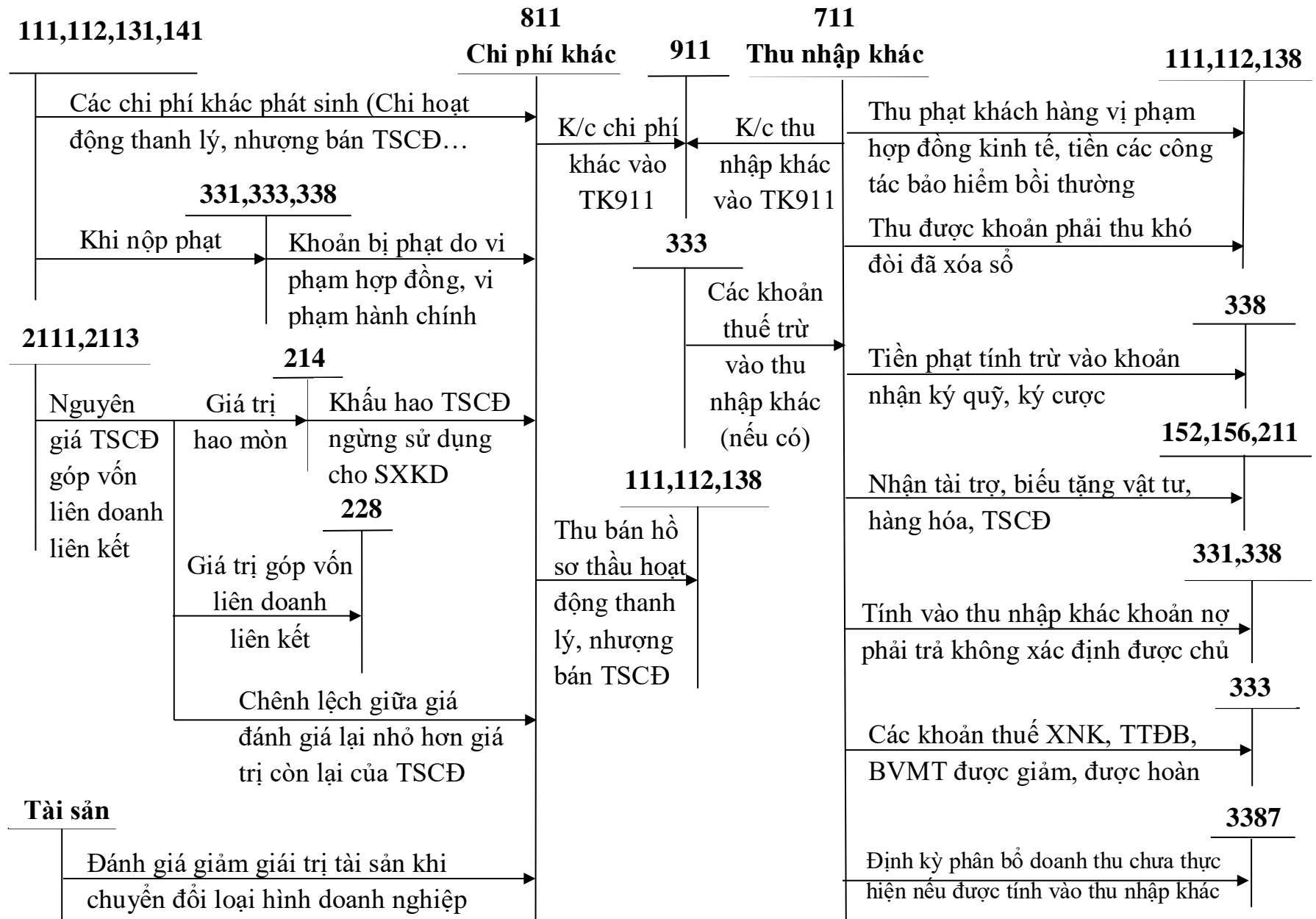
Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

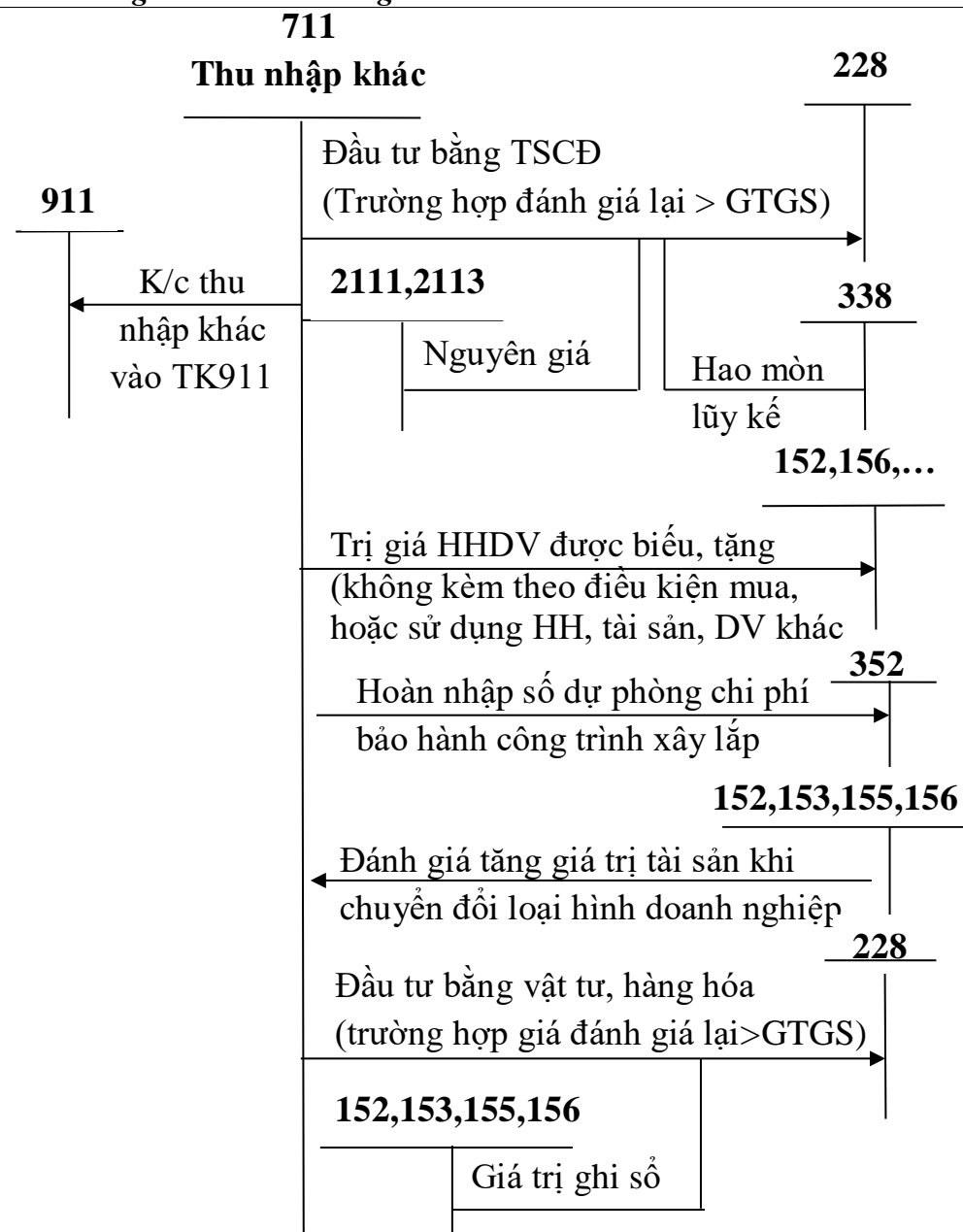
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác





1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 911

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí quản lý kinh doanh;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

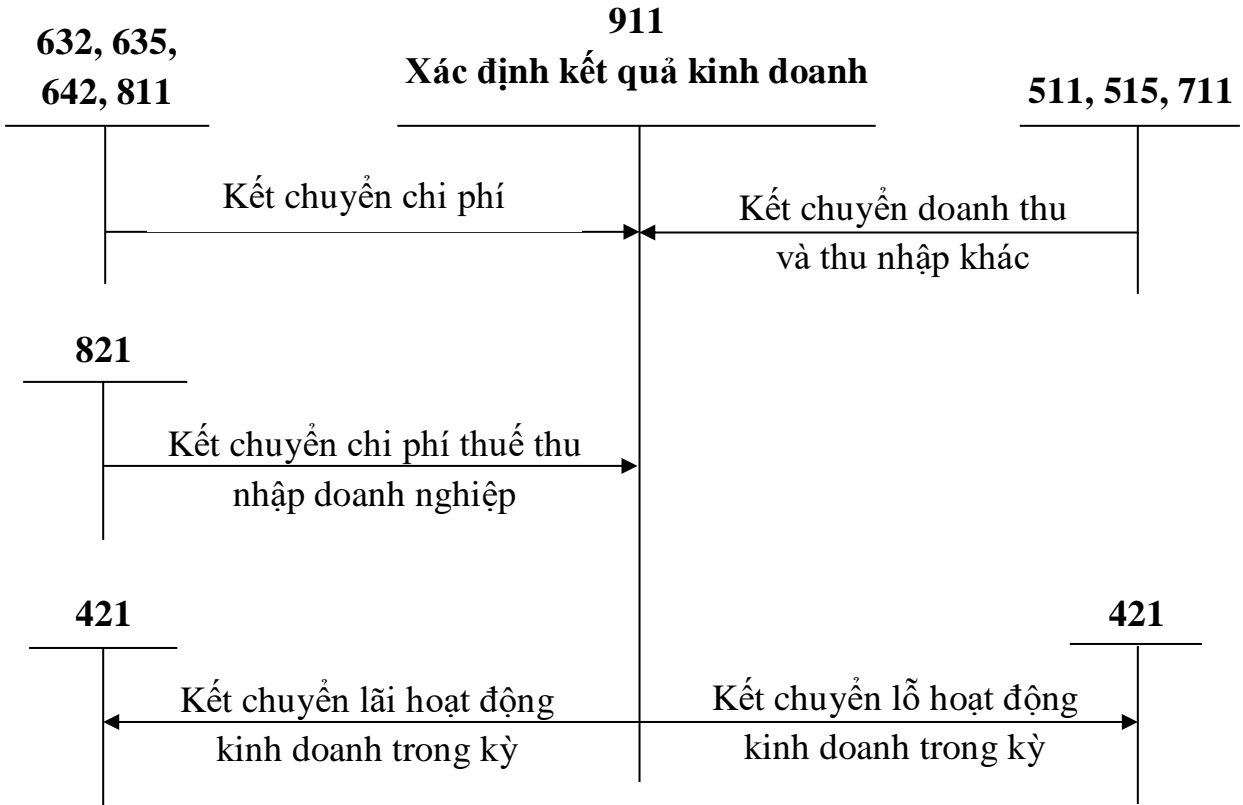
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 sau:

Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Công tác vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các hình thức ghi sổ kế toán theo Thông tư 133 (gồm 4 hình thức):

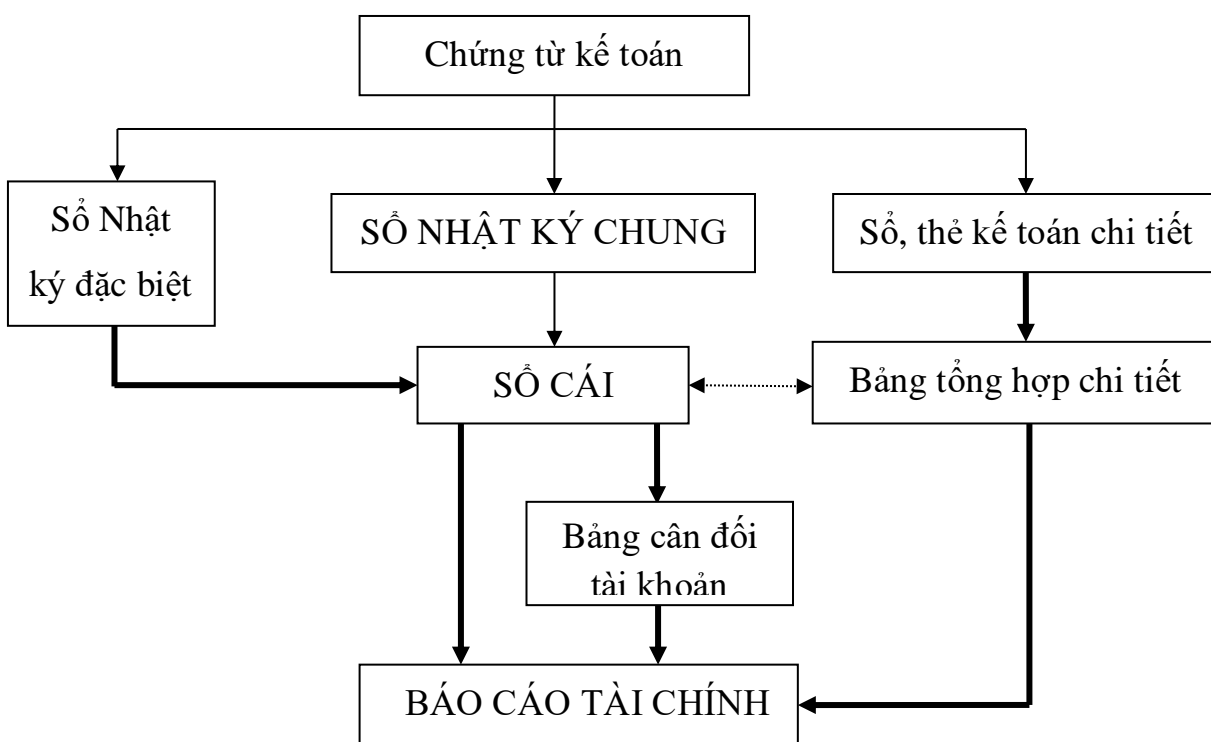
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ Đặc trưng cơ bản: Tất cả nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo thứ tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

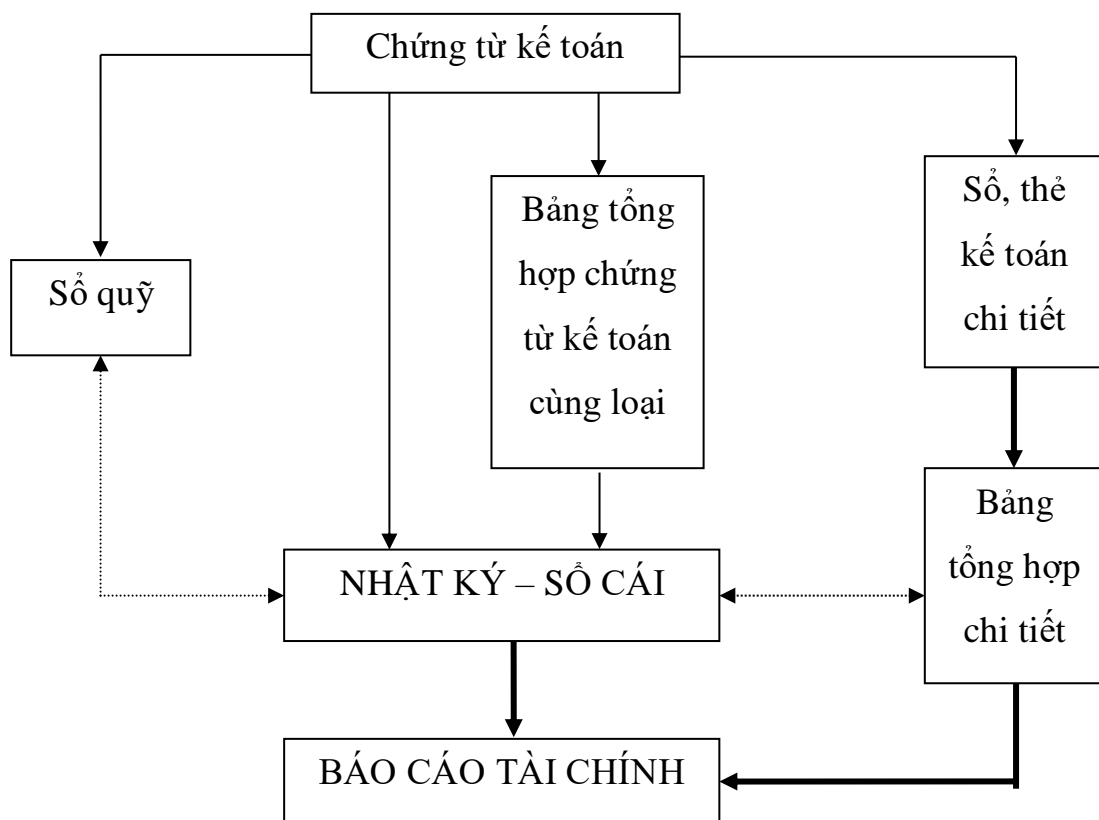
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

❖ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng: —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

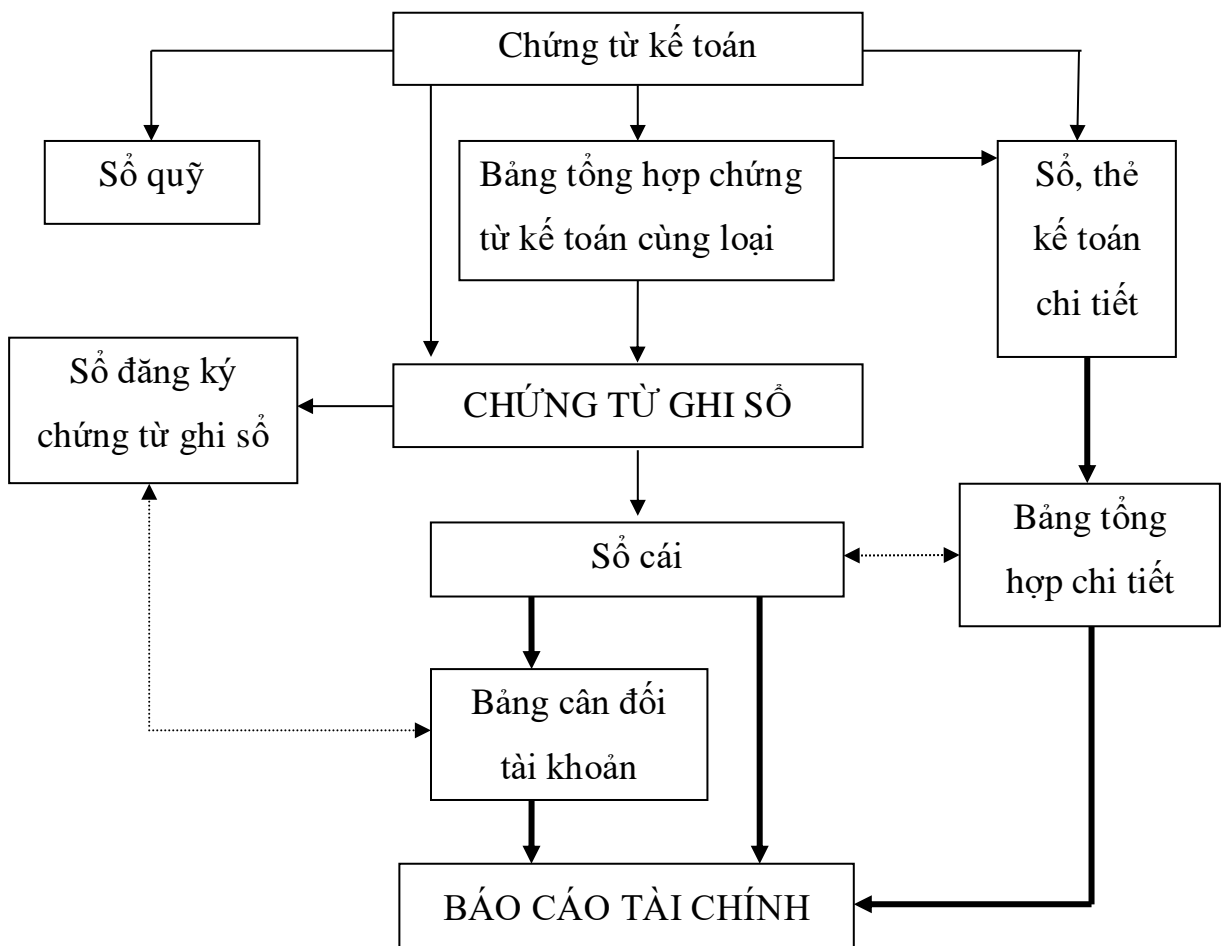
❖ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng : —————→
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

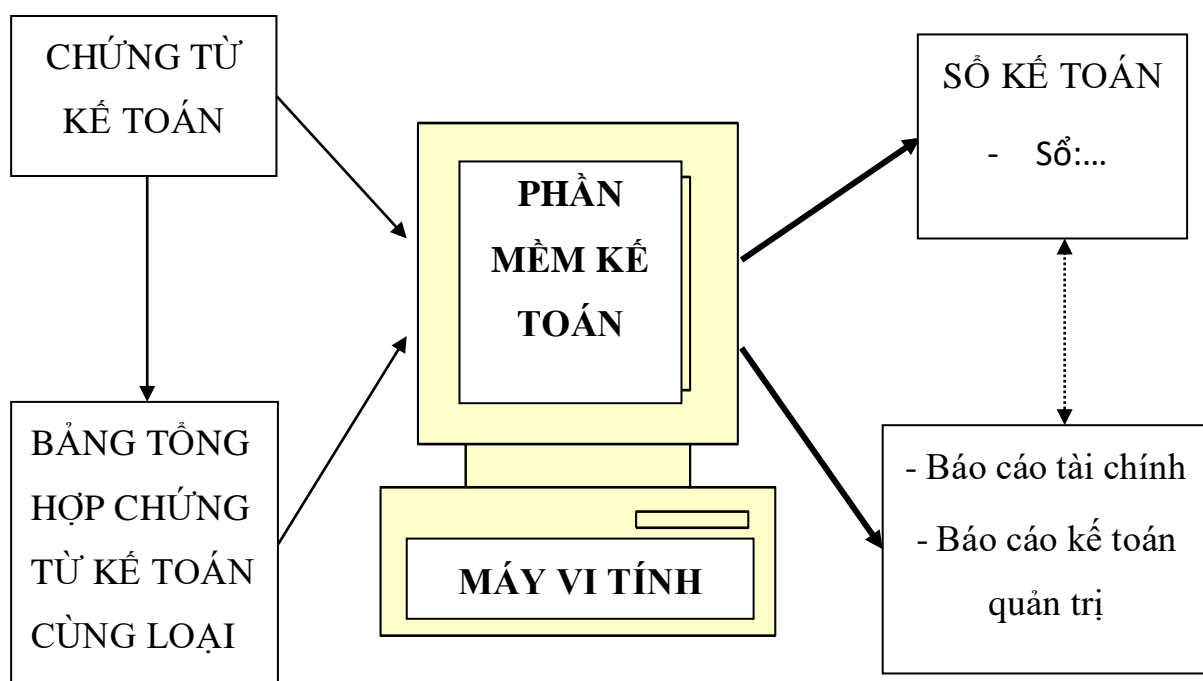
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

❖ Đặc trưng cơ bản: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ Các loại sổ sách của hình thức kế toán máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày: \longrightarrow
 In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: \longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT

2.1. Khái Quát Chung về Công Tác kế toán tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Bắc Việt.

Ngày thành lập: 10/04/2008

Giấy đăng ký kinh doanh: 1000444141. Ngày cấp: 19/03/02016(lần 3)

Tên giao dịch: BACVIETTIN J.S.C

Địa chỉ trụ sở: Số 1, lô F khu công nghiệp Gia Lễ , thôn Tô Hiệu –Xã Đông Quang –Huyện Đông Hưng- Thái Bình.

Tài khoản ngân hàng: 6279686. Ngân Hàng PG Bank, chi nhánh Thăng Long

Điện thoại: 0363.568.268

Fax: 036.759.392

Tổng vốn đầu tư: 30 000 000 000 VNĐ

Đại diện pháp luật : Trần Anh Vương

Ngày 20/06/2008: Công ty Cổ phần (CP) Thép Bắc Việt – BVG (Bắc Việt Group) được thành lập thông qua việc chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt; 13/10/2011: BVG khởi công nhà máy sản xuất các sản phẩm cơ khí xuất khẩu tại KCN (Khu Công Nghiệp) Gia Lễ Thái Bình với chủ đầu tư là công ty con Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt đánh dấu một năm đầy thử thách nhưng cũng rất thành công về mặt đầu tư và xúc tiến xuất khẩu của BVG.23/10/2014: BVG được cấp giấy phép đầu tư thành lập công ty liên doanh với 4 đối tác là các tập đoàn lớn của Nhật bản bao gồm NIPPON STEEL & SUMIKIN METAL PRODUCT, SUMITOMO CORP, KYOEI STEEL, SUMISHO HANDBAI để thành lập công ty liên doanh mang tên NIPPON STEEL & SUMIKIN METAL PRODUCT VIETNAM (NSMV) sản xuất ống thép và các sản phẩm cơ khí xây dựng, cơ khí giao thông xuất khẩu. 31/12/2014: BVG được phê duyệt tín dụng dài hạn đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm cơ khí xuất khẩu tại Thái Bình,

dự án mà BVG đã nỗ lực đầu tư từ năm 2011 và đã hoàn thành nhiều thủ tục pháp lý để được cấp phép xuất khẩu sản phẩm vào thị trường Nhật bản. Năm 2014 nhà máy đã đi vào hoạt động sản xuất thử.

2.1.2 Đặc điểm công tác kinh doanh tại công ty

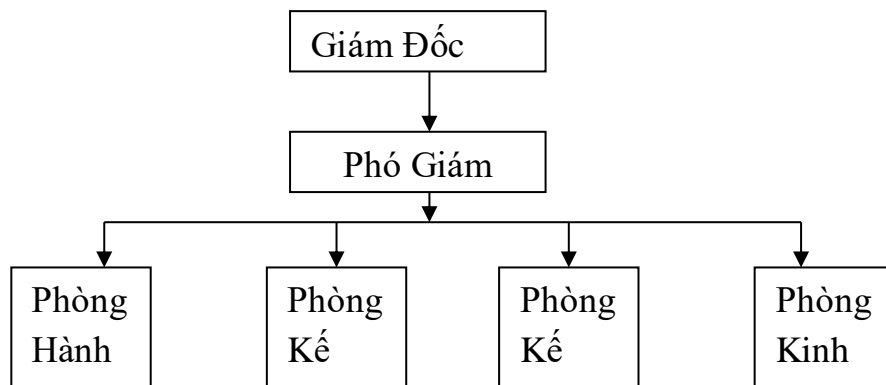
2.1.2.1 Lĩnh vực hoạt động của cty

Ngành, nghề kinh doanh:

- + Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
- + Buôn bán máy móc , thiết bị và phụ tùng máy khác
- + Buôn bán vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- + Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

2.1.2.2 Bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quản lý bộ máy của công ty



- Giám đốc (1 người): Là người có tư cách pháp nhân, người chỉ huy cao nhất, chịu trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của công ty, quyết định về phương hướng sản xuất, công nghệ, phương thức kinh doanh, công tác hạch toán công tác đối ngoại và có hiệu quả sử dụng vốn.

- Phó Giám đốc (1 người): Là người phụ trách quản lý và giám sát các phòng ban giúp Giám đốc điều hành quản lý nghiêm ngặt và sắp xếp công việc một cách tốt hơn và có hiệu quả hơn.

- Phòng hành chính (3 người): Có nhiệm vụ công tác sắp xếp nhân sự, quản lý lao động, ngày công làm việc của cán bộ công nhân viên, cân đối lao động, chấm công, đảm bảo điều kiện làm việc của toàn công ty.

- Phòng kế hoạch (2 người): Phụ trách về việc nhập hàng hóa máy móc thiết bị, báo cáo về tình trạng sử dụng nguyên máy móc, kiểm tra chất lượng hàng nhập về.

- Phòng kế toán (4 người): Thực hiện các công tác tài chính như: Kế toán thống kê tham mưu cho Giám đốc, thực hiện các công tác hạch toán theo đúng quy định của Bộ Tài Chính ban hành.

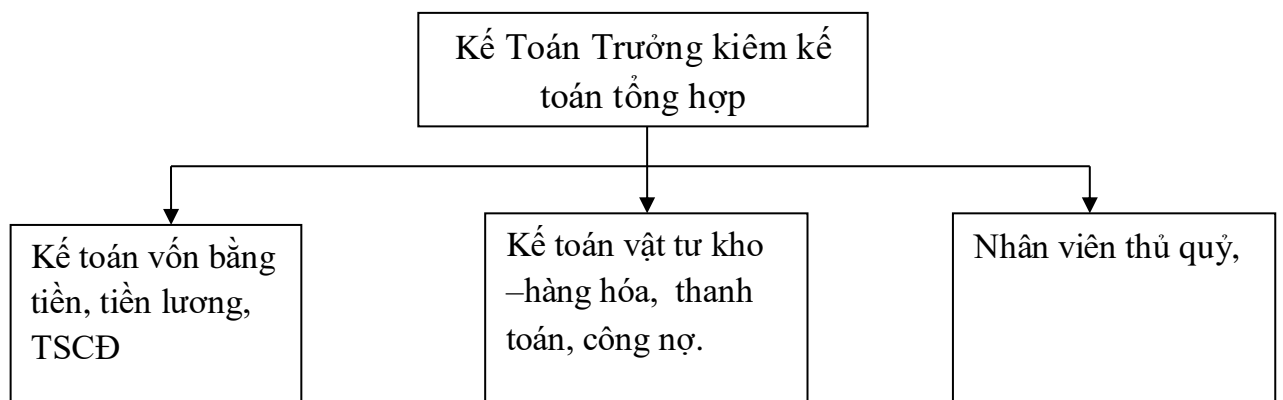
- Phòng kinh doanh (3 người): Với chức năng tham mưu cho Giám đốc về các hoạt động kinh doanh tạo nguồn sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thực hiện chức năng nhập khẩu đối với các loại hình sản xuất.

Mỗi bộ phận quản lý là một phòng ban riêng, hoạt động theo từng lĩnh vực, có chức năng và nhiệm vụ khác nhau. Song tất cả đều vì mục tiêu chung, vì lợi ích của công ty. Do vậy các phòng ban có mối quan hệ mật thiết với nhau, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc, cung cấp thông tin cho cấp trên một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

Nhìn chung, cơ cấu công tác công ty gọn nhẹ, linh hoạt, phân công theo phòng ban chức năng, mỗi người đều có công việc cụ thể. Như vậy sẽ tiết kiệm được thời gian, chi phí, mà hiệu quả quản lý cao

2.1.2.3 Đặc điểm công tác công tác kế toán

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy công tác kế toán tại công ty



❖ Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận:

- **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp (1 người):** Chịu trách nhiệm quản lý chung công việc của phòng và thực hiện các chỉ thị của ban GD. Dự kiến lập kế hoạch thu, chi tài chính của công ty, quyết toán kết quả hoạt động SXKD, lập báo cáo tài chính để trình với lãnh đạo công ty và các bên có liên quan.

- **Kế toán vốn bằng tiền, tiền lương, TSCĐ (1 người):** Phụ trách các khoản thu – chi tiền mặt hàng ngày, giao dịch với Ngân hàng về các khoản tiền vay, tiền gửi, số dư và thanh toán qua Ngân hàng. Hàng tháng mở sổ sách theo dõi quỹ, tiền lương, tình hình biến động về lao động và thanh toán tiền lương. Theo dõi về tình hình TSCĐ của công ty

- **Kế toán vật tư, hàng hóa, thanh toán và công nợ (1 người):** Theo dõi về tình hình nhập - xuất - tồn vật tư kho hàng hoá. Làm nhiệm vụ theo dõi tình hình thanh toán (Các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp)... Theo dõi số phát sinh, số dư tức thời và số dư cuối kỳ của các khoản phải thanh toán, trực tiếp thanh toán với các công tác tín dụng, các ngân hàng các khoản bảo hiểm XH-YT.... Kiểm tra, đối chiếu các số phát sinh trong ngày tháng năm.

- **Nhân viên thủ quỹ:** Bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt. Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong két phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ. Hàng tháng công tác đi thu tiền ở các công tác hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt ở tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.3 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

Kỳ kế toán năm: Công ty thực hiện kỳ kế toán theo năm dương lịch (bắt đầu từ 01/01 kết thúc vào ngày 31/12)

Đơn vị tiền sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

Chế độ kế toán áp dụng: Kế toán doanh nghiệp lớn

2.1.4 Công tác hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty vận hành hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của BTC

2.1.5 Công tác hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung sau đó từ Sổ Nhật ký chung vào Sổ cái các tài khoản, từ Sổ cái các tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.6 Công tác hệ thống báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty gồm:

Báo cáo tình hình tài chính: Mẫu số B01a-DNN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02-DNN

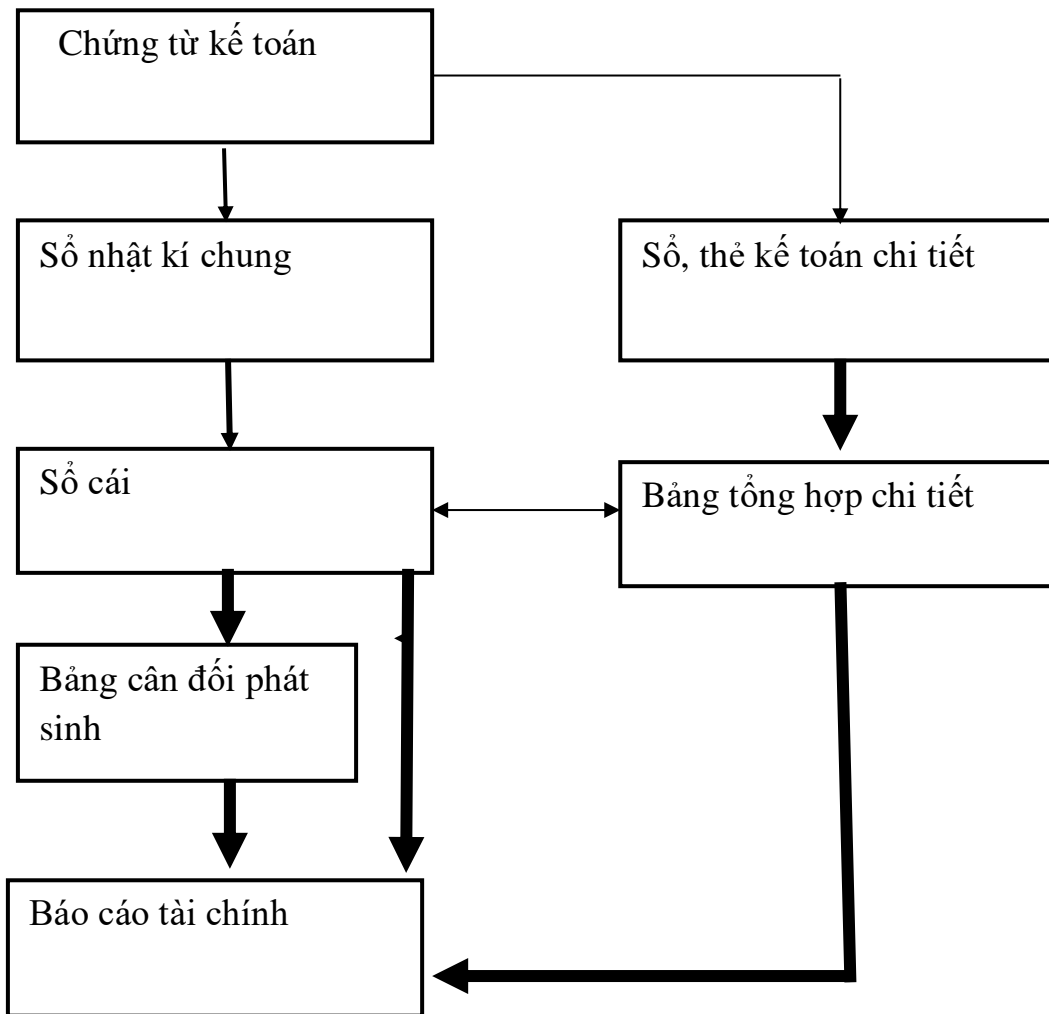
Bản thuyết minh tình hình tài chính : Mẫu số B09-DNN

Bảng cân đối tài khoản ; Mẫu số F01-DNN

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo như: báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước, tờ khai tự quyết thuế TNDN,...

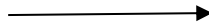
Báo cáo trên sau khi lập, kiểm tra, xem xét sẽ được trình lên Giám đốc xét duyệt, sau đó được gửi tới chi cục thuế, Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng, Cục Thống kê Hải Phòng.

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

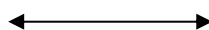
Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Kiểm tra, đối chiếu



1.3.2.2. Chế độ, chính sách và các phương pháp kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính và các Quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Niên độ kế toán : Bắt đầu từ ngày 01/01/N và kết thúc ngày 31/12/N hàng năm trùng năm dương lịch

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho : Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Phương pháp xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên

Giá trị sản phẩm dở dang: xác định theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Phương pháp khấu hao TSCĐ : được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT

2.2.1. Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu chủ yếu của Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt là doanh thu bán các sản phẩm sắt thép nhập về và gia công, sản xuất các mặt hàng khác

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

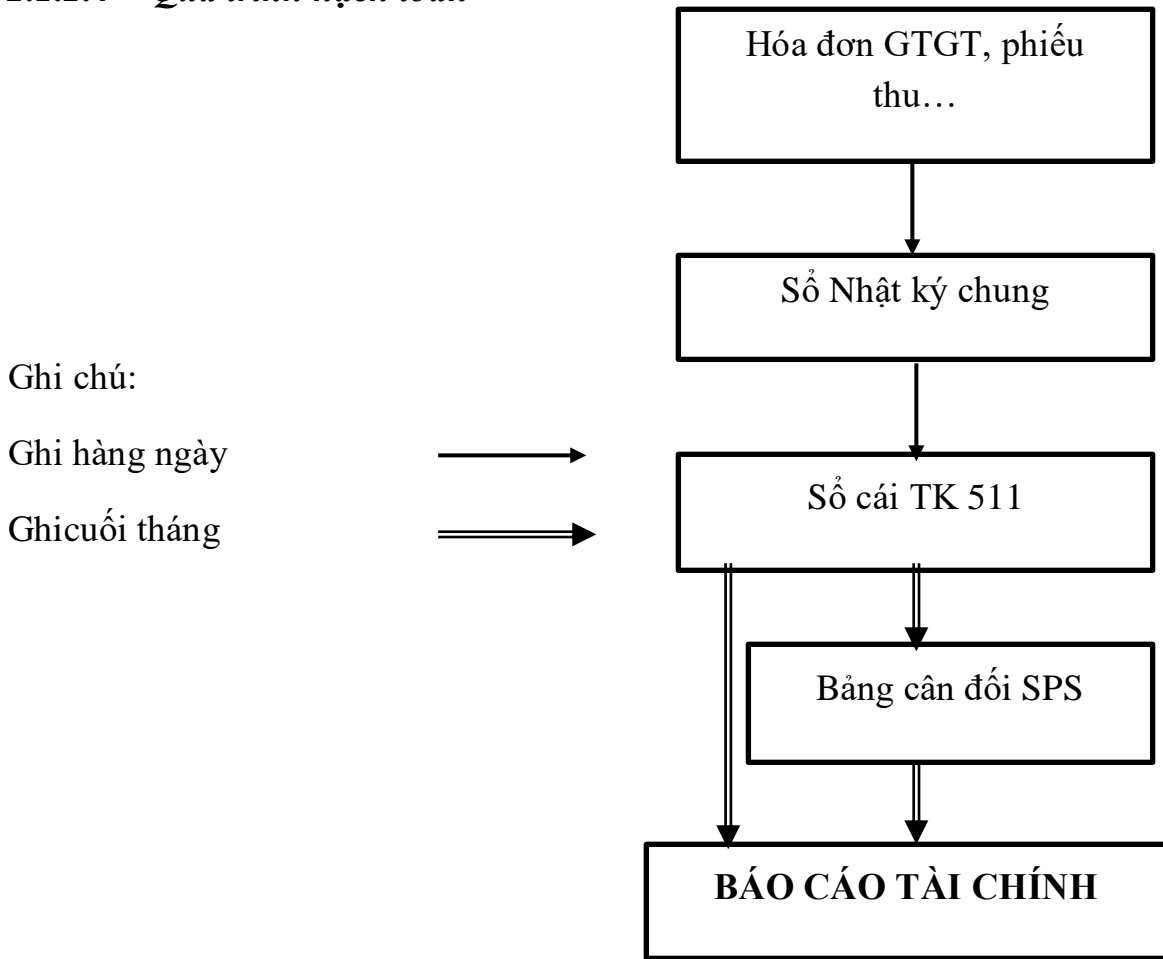
❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2.1.2.4 Quá trình hạch toán



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan. Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản.
- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 511, 131, 3331... lập Bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

VD1.1: Ngày 10/12/2017 Công ty bán hàng cho Công ty TNHH Cơ khí Chế tạo Công Cụ Siêu Việt thanh toán bằng chuyển khoản Công ty ghi nhận doanh thu với tổng giá thanh toán là 20.836.200 (Bao gồm VAT 10%)

VD1.2: Ngày 27/12/2017 Công ty bán thép cuộn cho Công ty TNHH xây dựng dân dụng Minh Khang . Thanh toán bằng chuyển khoản, ghi nhận doanh thu là 66.123.091 (chưa bao gồm VAT 10%)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ

Mẫu số 01GTKT3/001

GIA TĂNG

Ký hiệu : AA/15P

Liên 3: Nội bộ

Số : 0000530

Ngày 27 tháng 12 năm 2017

Đơn vị bán hàng : Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

Địa chỉ :

Số tài khoản:

Điện thoại:

Mã số thuế:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH xây dựng dân dụng Minh Khang

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản:

Mã số thuế:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Thép cuộn	Kg	5.004	13.214,047	66.123.091

Cộng tiền hàng : 66.123.091

Thuế suất GTGT : 10%, Tiền thuế GTGT: 6.612.309

Tổng cộng thanh toán : 72.735.400

Số tiền viết bằng chữ : Bảy mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm đồng.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.1: Giấy báo có

Chi nhánh Ngã Tư Gia Lễ -Đông Hưng -Thái Bình



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT

Mã số thuế :

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có :

Số tiền bằng số: 20.836.200 đồng

Số tiền bằng chữ : : Hai mươi triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng.

Nội dung : Cty TNHH Cơ khí chế tạo công cụ Siêu Việt thanh toán tiền hàng .

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.2: Giấy báo có

Chi nhánh Ngã Tư Gia Lễ -Đông Hưng -Thái Bình



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 27 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT

Mã số thuế :

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có :

Số tiền bằng số: 72.735.400 đồng

Số tiền bằng chữ : : Bảy mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm đồng.

Nội dung : Cty TNHH Minh Khang thanh toán tiền hàng.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.3: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
....
10/12	PC641	10/12	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	6422 133 111	603.310 60.331	633.641
....
10/12	PXK960 HĐ0000520 BC492	10/12	Bán 1.435 thép thanh cho Cty TNHH Chế tạo công cụ siêu việt	632 156 112 511 3331	17.220.000 20.836.200	17.220.000 18.942.000 1.894.200
.....
27/12	PXK971 HĐ0000530 BC501	27/12	Bán 5.004 kg thép cuộn cho Cty TNHH xây dựng dân dụng Minh Khang	632 156 112 511 3331	62.000.000 72.735.400	62.000.000 66.123.091 6.612.309
....
30/12	PXK981 HĐ0000149	30/12	Bán 20.000 thép cuộn cho công ty TL	632 156 112 511 3331	236.000.000 290.709.034	236.000.000 264.280.940 26.428.094
.....
			Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kế toán ghi sổ
(ký tên, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)

Giám đốc
(ký tên, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Trích sổ cái TK 511

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
10/12	HĐ000 0520	10/12	Bán 1.435 thép thanh cho Cty TNHH Chế tạo công cụ siêu việt Bằng CK	112		18.942.000
27/12	HĐ000 0530	27/12	Bán 5.004kg thép ống cho Cty Minh Khang thu CK	112		66.123.091
30/12	HĐ000 0549	30/12	Bán 20.000 thép cuộn cho công ty TL	112		264.280.940
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	632.126.990.672	
			Cộng số phát sinh		632.126.990.672	632.126.990.672
			Số dư cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên,đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt**2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt**

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa mà công ty bán cho khách hàng như thép cuộn, thép vằn..... Trong điều kiện doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán là một chi phí được ghi nhận đồng thời với doanh thu theo nguyên tắc phù hợp. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

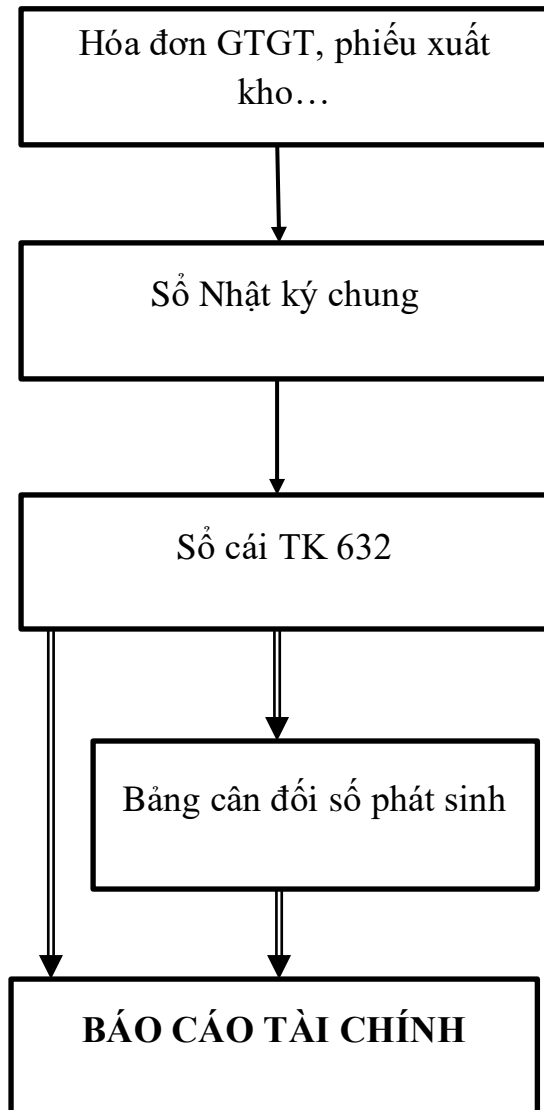
2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng**❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa

2.2.2.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt

- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 156, 632...
- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156... lập bảng cân đối số phát sinh

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1: (minh họa tiếp ví dụ 1.1)

Tính đơn giá xuất kho thép thanh theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Số dư đầu kỳ (1/12) = 6.000kg, đơn giá 11.900/kg

Trị giá tồn đầu kỳ = 6.000*11.900 =71.400.000

- Ngày 5/12 nhập kho 2.000kg, đơn giá 11.420/kg

Trị giá nhập kho ngày 5/12 = 2.000*11.420=22.840.000

-Ngày 08/12 nhập kho 3.520 kg, đơn giá 12.500/kg

Trị giá nhập kho ngày 08/12= 3.520*12.500=44.000.000

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{liên hoàn} \\ \text{ngày 10/12} \end{array} = \frac{6.000*11.900+2000*11.420+3.520*12.500}{6.000+2.000+3.520} = 12.000/\text{kg}$$

Trị giá xuất kho ngày 10/12 = 1.435 x 12.000 = 17.220.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 960 (Biểu số 2.4) kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5). sổ chi tiết hàng hóa (Biểu số 2.6) và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.7).

Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 960

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Số: 960

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Đoàn

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do xuất kho : Bán hàng

Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	SL thực nhập	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Thép thanh		Kg	1.435	12.000	17.220.000
	Cộng					17.220.000

Tổng số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.6: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị : đồng

Chứng từ					Số phát sinh	
SH	NT	Diễn giải	TKĐƯ	Nợ	Có	
A	B	C	D	E	F	I
....
10/12	PC641	10/12	Chi tiền điện thoại BPQL-T10	6422 133 111	603.310 60.331	633.641
....
10/12	PXK960 HĐ0000520 BC492	10/12	Bán 1.435 thép thanh cho Cty TNHH Chế tạo công cụ siêu việt	632 156 112 511 3331	17.220.000 20.836.200	17.220.000 18.942.000 1.894.200
....
27/12	PXK971 HĐ0000530 BC501	27/12	Bán 5.004 kg thép cuộn cho Cty TNHH xây dựng dân dụng Minh Khang	632 156 112 511 3331	62.000.000 72.735.400	62.000.000 66.123.091 6.612.309
....
30/12	PXK981 HĐ0000149	30/12	Bán 20.000 thép cuộn cho công ty TL	632 156 112 511 3331	236.000.000 290.709.034	236.000.000 264.280.940 26.428.094
....
			Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kế toán ghi sổ
(ký tên, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.7: Trích sổ chi tiết hàng hóa

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Năm 2017

Tài khoản: 156

Tên hàng hóa: thép thanh

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		SĐĐK		11.900					6.000	71.4000.000
		Số phát sinh								
PNK621	5/12	Mua thép thanh	331	11.420	2.000	22.840.000			8.000	94.240.000
PNK632	08/12	Mua thép thanh	331	12.500	3.520	44.000.000			11.520	138.240.000
.....
PXK960	10/12		632	12.000			1.435	17.220.000	10.085	121.020.000
		Cộng SPS								

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 632

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
2/12	PXK810	2/12	Bán 380kg thép vằn cho Cty Lập Tiến	156	3.936.800	
10/12	PXK960	10/12	Bán 1.435 thép thanh cho Cty TNHH Chế tạo công cụ siêu việt	156	17.220.000	
27/12	PXK971	27/12	Bán 5.004 kg thép ống cho Cty Minh Khang	156	62.000.000	
30/12	PXK981	30/12	Bán 20.000 thép cuộn cho công ty TL	156	236.000.000	
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		504.980.246.031
			Cộng số phát sinh		504.980.246.031	504.980.246.031
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cp Công nghiệp Bắc Việt

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại Công ty bao gồm các khoản: Tiền lương trả cho Giám đốc, lương cho nhân viên bộ phận bán hàng, các khoản trích theo lương, các khoản thuế, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng,...

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

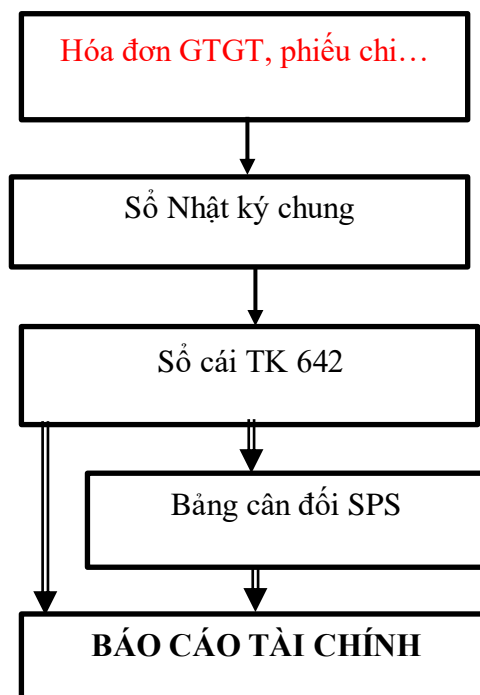
2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ,... kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung để kế toán vào Sổ cái TK 642

- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3: Ngày 8/12/2017 thanh toán tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng tháng 11, tổng số tiền thanh toán 1.168.340 (thuế GTGT 10%)

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT 2977018 (Biểu số 2.8), phiếu chi (Biểu số 2.9) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản.

Nợ TK 642: 1.062.127


Nợ TK 133: 106.213

Có TK 111: 1.168.340

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.10) sau đó phản ánh vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.11), TK 111, TK 333

Cuối kỳ, từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.9: Hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT

	<p>HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)</p>	<p>Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01 Ký hiệu (Serial No): AA/12P Số (No): 2977018</p>
---	--	--

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông (Telecommunication) Thái Bình – TT Dịch vụ khách hàng

Địa chỉ:

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Công Nghiệp Bắc Việt

Địa chỉ (Address):

Số điện thoại (Tel): Mã số (code):

Hình thức thanh toán (Kind of Pay ment): TM/CK MST:

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6
	Kỳ cước tháng 11/2017				
	a. Cước dịch vụ viễn thông				1.062.127
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					1.062.127
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):					106.213
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					1.168.340

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng.

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Ngày 08 tháng 12 năm 2017
 Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.10: Phiếu chi 663

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 12 năm 2017

Số: 663

Nợ TK 642: 1.062.127

Nợ TK 133: 106.213

Có TK 111: 1.168.340

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Tâm

Địa chỉ: Phòng KT-TC

Lý do chi: Nộp tiền điện thoại

Số tiền: 1.168.340 (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2017

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận Thủ quỹ
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị : đồng

A	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
B	C	D	E	F	I	
.....
08/12	PC663	08/12	Chi tiền điện thoại BPBH T11	642 133 111	1.062.127 106.213	1.168.340
.....
10/12	PXK960 HĐ0000520 BC492	10/12	Bán 1.435 thép thanh cho Cty TNHH Chế tạo công cụ siêu việt	632 156 112 511 3331	17.220.000 20.836.200	17.220.000 18.942.000 1.894.200
.....
27/12	PXK971 HĐ0000530 BC501	27/12	Bán 5.004 kg thép cuộn cho Cty TNHH xây dựng dân dụng Minh Khang	632 156 112 511 3331	62.000.000 72.735.400	62.000.000 66.123.091 6.612.309
.....
30/12	PXK981 HĐ0000149	30/12	Bán 20.000 thép cuộn cho công ty TL	632 156 112 511 3331	236.000.000 290.709.034	236.000.000 264.280.940 26.428.094
.....
			Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kế toán ghi sổ
(ký tên, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên, họ tên)

Giám đốc
(ký tên, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Trích Sổ cái TK 642

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt						
<p>SỔ CÁI Năm 2017 Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh Số hiệu: TK 642</p>						
Ngày mở sổ: 01/01/2017						
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
7/12	PC662	7/12	Thanh toán tiền Internet T11	111	270.000	
8/12	PC663	8/12	Thanh toán tiền điện thoại BPBH T11	111	1.062.127	

31/12	BLT12	31/12	Tiền lương T12 của nhân viên		46.538.889	
31/12	BPBLT12	31/12	Trích BHXH, BHYT, BHTN		1.520.000	
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	55.929.422.291	
			Cộng số phát sinh		55.929.422.291	55.929.422.291
			Số dư cuối kỳ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Kế toán ghi sổ (ký, họ tên)		Kế toán trưởng (ký, họ tên)		Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)		

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

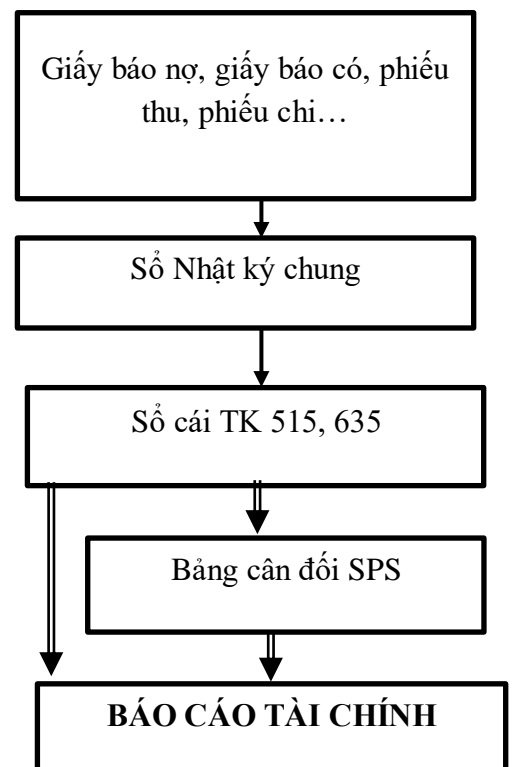
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính của Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng, phiếu chi, phiếu thu, bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay... kế toán tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, TK 635.

- Cuối kỳ, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.4: Ngày 31/12/2017 phát sinh nghiệp vụ trả lãi vay cho ông Nguyễn Văn An số tiền 1.468.009 VNĐ

Căn cứ vào phiếu chi (Biểu số 2.12) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 635: 1.468.009

Có TK 111: 1.468.009

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.15). Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, từ đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.5: Ngày 31/12 Ngân hàng VietinBank thông báo lãi nhập vốn là 103.781 VNĐ

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu số 2.13) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 112: 103.781

Có TK 515: 103.781

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.16) và kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng VietinBank.

Cuối kỳ, từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.13: Phiếu chi 694

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 694

Nợ TK 635: 1.468.009

Có TK 111: 1.468.009

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Văn An

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán tiền lãi vay tháng 12

Số tiền: 1.468.009 (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn không trăm linh chín đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Giấy báo Có

NGÂN HÀNG VietinBank

Chi nhánh:

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2017

Mã GDV: Nguyễn Thu Trang

Mã KH: 749942

Số GD:

Kính gửi: CTY CP CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT

Mã số thuế:

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 771A56027194

Số tiền bằng số: 103.781

Số tiền bằng chữ: Một trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi một đồng.

Nội dung: Lãi nhập vốn tháng 12

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Kiểm soát

(ký, họ tên)

Biểu số 2.15: Trích Sổ Nhật ký chung

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt						
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2017						
Đơn vị : đồng						
Chứng từ			Số phát sinh			
	SH	NT	Diễn giải	TKĐƯ	Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
....
08/12	PC633	08/12	Chi tiền điện thoại BPBH T11	642 133 111	1.062.127 106.213	1.168.340
....
10/12	PXK960 HĐ0000520 BC492	10/12	Bán 1.435 thép thanh cho Cty TNHH Chế tạo công cụ Siêu Việt	632 156 112 511 3331	17.220.000 20.836.200	17.220.000 18.942.000 1.894.200
....
27/12	PXK971 HĐ0000530 BC501	27/12	Bán 5.004 kg thép cuộn cho Cty TNHH xây dựng dân dụng Minh Khang	632 156 112 511 3331	62.000.000 72.735.400	62.000.000 66.123.091 6.612.309
31/12	PC694	31/12	Chi trả lãi vaytháng 12 cho ông An	635 111	1.468.009	1.468.009
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112 515	103.781	103.781

			Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kế toán ghi sổ (ký tên, họ tên)	Kế toán trưởng (ký tên, họ tên)	Giám đốc (ký tên , họ tên , đóng dấu)
------------------------------------	------------------------------------	---

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.16: Trích Sổ cái TK 635

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ CÁI
 Năm 2017
 Tên TK: Chi phí tài chính
 Số hiệu: TK 635

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
.....
31/12	PC694	31/12	Chi trả lãi vay t12 cho ông An	111	1.468.009	
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	31.664.387.983	
			Cộng số phát sinh		31.664.387.983	31.664.387.983
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ (ký, họ tên) Kế toán trưởng (ký, họ tên) Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

Biểu số 2.17: Trích Sổ cái TK 515

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư nợ đầu kỳ			
....
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112		103.781
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	59.451.203.179	
			Cộng số phát sinh		59.451.203.179	59.451.203.179
			Số dư nợ cuối kỳ			

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán công ty

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác : Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ nghiên cứu.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- Các TK khác có liên quan.

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào Sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái TK 911, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.6: Xác định kết quả kinh doanh năm 2017

Trong năm doanh nghiệp kinh doanh lãi: 80.770.510.850

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh năm 2017 lãi. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 042, 043, 044, 045, 046, 047, 048, 049 (Biểu số 2.17, 2.18, 2.19, 2.20).

Từ phiếu kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21), sau đó từ Sổ nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.22), Sổ cái TK 421 (Biểu số 2.23).

Cuối kỳ, từ các Sổ cái và các sổ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu số 2.24) và Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 42

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	632.126.990.672
	Cộng			632.126.990.672

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 43

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	59.451.203.179
	Cộng			59.451.203.179

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 44

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển giá vốn	911	632	504.980.246.031
	Cộng			504.980.246.031

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 45

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	31.664.387.983
	Cộng			31.664.387.983

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 46

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	55.929.422.291
	Cộng			55.929.422.291

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 47

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Chi phí thuế TNDN	821	3334	19.942.465.256
	Cộng			19.942.465.256

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 48

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	19.942.465.256
	Cộng			19.942.465.256

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 49

Đơn vị : đồng

STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
	Kết chuyển lãi	911	421	80.770.510.850
	Cộng			80.770.510.850

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đóng dấu)

Biểu số 2.22: Trích sổ nhật ký chung

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
PKT42	31/12	Kết chuyển DTBH	511	632.126.990.672	
			911		632.126.990.672
PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515	59.451.203.179	
			911		59.451.203.179
PKT44	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	504.980.246.031	
			632		504.980.246.031
PKT45	31/12	Kết chuyển CPTC	911	31.664.387.983	
			635		31.664.387.983
PKT46	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	55.929.422.291	
			642		55.929.422.291
PKT47	31/12	CP thuế TNDN	821	19.942.465.256	
			3334		19.942.465.256
PKT48	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	19.942.465.256	
			821		19.942.465.256
PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	911	80.770.510.850	
			421		80.770.510.850
.....
		Tổng cộng		722.448.726.635	722.448.726.635

Ngày....tháng.... năm

Kế toán ghi sổ
(ký tên,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký tên,họ tên)

Giám đốc
(ký tên ,họ tên ,đồng dấu)

Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 911

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
	PKT42	31/12	Kết chuyển DTBH	511		630.126.990.672
	PKT43	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		59.451.203.179
	PKT44	31/12	Kết chuyển GVHB	632	504.980.246.031	
	PKT45	31/12	Kết chuyển CPTC	635	31.664.387.983	
	PKT46	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	55.929.422.291	
	PKT48	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	19.942.465.256	
	PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	421	80.770.510.850	

			Cộng số phát sinh		690.207.234.400	690.207.234.400

Ngày mở sổ: 01/01/2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK 421

Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt

SỔ CÁI

Năm 2017

Tên TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: TK 421

Ngày mở sổ: 01/01/2017

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	911	80.770.510.850	
			Cộng số phát sinh		80.770.510.850	80.770.510.850
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế toán ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>				
Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		632.126.990.672	579.327.815.301
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			2.409.718.939
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		632.126.990.672	576.918.096.362
Giá vốn hàng bán	11		504.980.246.031	432.874.207.973
Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		127.146.744.641	144.043.888.389
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	59.451.203.179	6.886.740.938
Chi phí tài chính	22	29	31.664.387.983	42.410.080.641
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		22.848.112.482	18.948.234.833
Phần lãi vay công ty liên kết	24		9.172.696.949	1.036.701.264
Chi phí bán hàng	25		6.378.869.961	5.326.676.054
Chi phí quản lý kinh doanh	26	30	55.929.422.291	43.464.874.152
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22+24-25-26)	30		101.797.964.534	60.765.699.744
Thu nhập khác	31			9.524.797.486
Chi phí khác	32			590.563.184
Kết quả từ hoạt động khác (40=31-32)	40			8.934.234.302

Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		101.797.964.534	69.699.934.046
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	19.942.465.256	16.150.277.248
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	1.084.988.428	(273.081.643)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		80.770.510.850	53.822.738.441

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP BẮC VIỆT

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CPCN Bắc Việt.

3.1.1. Ưu điểm

- Về công tác quản lý:

+ Đội ngũ cán bộ công nhân năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

+Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng , nhanh chóng.

- Về công tác kế toán:

+Bộ máy kế toán của công ty được công tác gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

+Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:

+Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.

- Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.
+Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2.Hạn chế

- Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Công ty chưa áp dụng kế toán mới.

- Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác , công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện công tác kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất..., phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt.

3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hóa đơn/ hợp đồng.

Số tiền chiết khấu thanh toán là một khoản chi phí tài chính công ty chi cho người mua. Người bán lập phiếu chi, người mua lập phiếu thu để trả và nhận khoản chiết khấu thanh toán.

Kể từ ngày 02/08/2014, khoản chiết khấu thanh toán không bị khống chế nữa, trước đó bị khống chế 15%. Với những khách hàng thanh toán tiền ngay, thanh toán sớm hơn thời hạn thỏa thuận ban đầu nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 5% đến 10% trên trị giá lô hàng.

- Cách hạch toán như sau:
- Bên bán : Căn cứ vào phiếu chi

Nợ 635 : Chi phí tài chính

Có 131 : (nếu bù trừ luôn vàoof khoản phải thu)

Có 111,112: (nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)

-Bên mua : Căn cứ vào phiếu thu

Nợ 331: (Nếu giảm trừ công nợ)

Nợ 111,112: (Nếu mhaamj tiền mặt hoặc chuyển khoản)

Có 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

VD: Công ty CPCN Bắc Việt xuất bán hàng hóa cho Công ty Hải Nam với tổng giá thanh toán là 110.000.000 đồng . Công ty Hải Nam đã Sớm thanh toán bằng chuyển khoản . Do khách hàng thanh toán sớm nên được chiết khấu thanh toán 1% và Công ty CPCN Bắc việt đã chi khoản chiết khấu bằng chuyển khoản. Hạch toán như sau:

- Bên bán: Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán 1%

Nợ TK 635 : $1\% * 110.000.000 = 1.100.000$

Có TK 112 : $\% * 110.000.000 = 1.100.000$

- Bên mua:

Nợ TK112: 1.100.000

Có TK 515: 1.100.000

3.4.2 Kiến nghị 2: Doanh nghiệp tiến hành mở thêm sổ chi tiết về doanh thu và giá vốn hàng bán.

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn để dễ dàng kiểm soát được doanh thu, chi phí.

Ví dụ minh họa:

Với nghiệp vụ doanh thu cung cấp dịch vụ và giá vốn cung cấp dịch vụ tại chương 2, ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung sổ cái tài khoản 511, sổ cái tài khoản 632 và sổ chi tiết doanh thu và giá vốn cho từng loại mặt hàng của công ty. Cụ thể như sau:

Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng

Công ty CP CN Bắc Việt

Mẫu số S16-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Thép thanh

Năm: 2017

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Phát sinh trong năm						
								
10/12	HĐ00 00520	10/12	Cty TNHH Chế tạo công cụ Siêu Việt	112	1.435	13.200	18.942.000		
...				
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần						

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2 – Sổ chi tiết giá vốn

Cty CP CN Bắc Việt

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tên sản phẩm, dịch vụ: Thép Thanh

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi nợ TK632VT						
	Số hiệu	Ngày, tháng						Chia ra						
								
A	B	C	D	E				2	3	4	5	6	7	
			Số dư đầu kỳ											
													
05/12	HĐ 0162335	05/12	Cty TNHH thép Vinapie	112	2.000	11.420	22.840.000							
.....														
08/12	HĐ 0207801	08/12	Cty CP thép Nam Sơn	112	3.520	12.500	44.000.000							
			Cộng phát sinh trong kỳ											
			Ghi có TK632											
			Số dư cuối kỳ											

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Người đại diện theo pháp luật
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

3.4.3 Kiến nghị 3: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.

- *Lý do kiến nghị:* Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán nhưng nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời.

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán có những ưu điểm sau:

- **Ít tốn thời gian:** Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và thao tác in.

- **Chính xác:** Chương trình kế toán có độ chính xác khá cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót doanh nghiệp có thể gặp phải có thể do nhập sai số liệu hoặc thông tin sai từ đầu.

- **Dễ sử dụng:** Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng một cách dễ dàng.

- **Lập báo cáo:** Một trong những điều tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là khả năng tạo các bản báo cáo bất kỳ theo ý muốn của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Bạn có thể tạo ra báo cáo chỉ trong vòng vài giây, đây là một cải tiến rất lớn so với phương thức truyền thống với bảng biểu và những phép tính.

Các báo cáo có thể xuất ra file excel hoặc word để sử dụng lập BCTC hàng năm. Đặc biệt các phần mềm kế toán cho phép lập các báo cáo theo ý muốn và phần mềm sẽ tự động lên báo cáo hàng ngày, tuần hoặc tháng.

- **Công nợ:** Quản lý công nợ nêu thao tác thủ công và cảm tính, số liệu công nợ có thể bị nhầm lẫn, thậm chí dẫn đến hao hụt tài chính doanh nghiệp, lượng tiền chết tăng dần do nợ ứ đọng, doanh nghiệp loay hoay trong vấn đề thu hồi vốn.

Lúc này, phần mềm sẽ là bộ não tinh táo nhất ghi lại công nợ, giúp kế toán có thể theo dõi được hạn mức công nợ trên từng khách hàng, hỗ trợ theo dõi, báo cáo công nợ trên từng khách hàng, tổng công nợ khách hàng, công nợ theo từng nhân viên. Người quản lý có thể dễ dàng kiểm tra lịch sử giao dịch, mức nợ, thời hạn nợ, ngày tháng ghi nợ, sản phẩm,... của từng khách hàng, quản lý có thể dễ dàng theo dõi công nợ của khách hàng này đến từ những đơn hàng nào, chi tiết ra sao.

Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ tải xuống báo cáo công nợ dạng excel khi người quản lý muốn in tài liệu hoặc nhập file dữ liệu vào phần mềm kế toán để quản lý.

Hãy lập ra một danh sách tất cả các nhu cầu cần thiết của công ty và tìm kiếm phần mềm kế toán phù hợp và nó sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm rất nhiều thời gian.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như: FAST, CYBER, ACOUTING, MISA, ASOFT, ADSOFT... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng. Công ty cổ phần CN Bắc Việt là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán như sau:

- Phần mềm kế toán Misa
- Phần mềm kế toán Fast Accounting
-

Phần mềm kế toán Misa: [http:// www.misa.com.vn/](http://www.misa.com.vn/)



Phần mềm kế toán MISA SME.NET là một phần mềm được tạo ra chuyên để phục vụ cho công việc kế toán tại các DN vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Lương, Giá thành, Tổng hợp,...

Ưu điểm:

- **Giao diện:** Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng.

- **Điểm cộng:** Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu – mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Một điểm cộng nữa là khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu cực tốt.

- **Độ chính xác cao:** Số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm.

- **Khả năng bảo mật:** Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm MISA chạy trên cơ sở dữ liệu SQL.

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA quá yếu sẽ chạy ì

- Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm

MISA SME.NET tính đến nay đã có thể triển khai cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ, sản xuất,...Phiên bản mới nhất của MISA SME.NET là 2017, với công nghệ microsoft.NET, CSDL SQL Server Express, phần mềm MISA SME.NET 2017 luôn đảm bảo an toàn tối đa cho doanh nghiệp.

Báo giá bán phần mềm kế toán MISA:

- Gói Starter: 2.950.000 đồng

Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ

Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 1.000 chứng từ/năm

- Gói Standard: 6.950.000 đồng

Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 11 phân hệ

Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm

- Gói Professional: 9.950.000 đồng

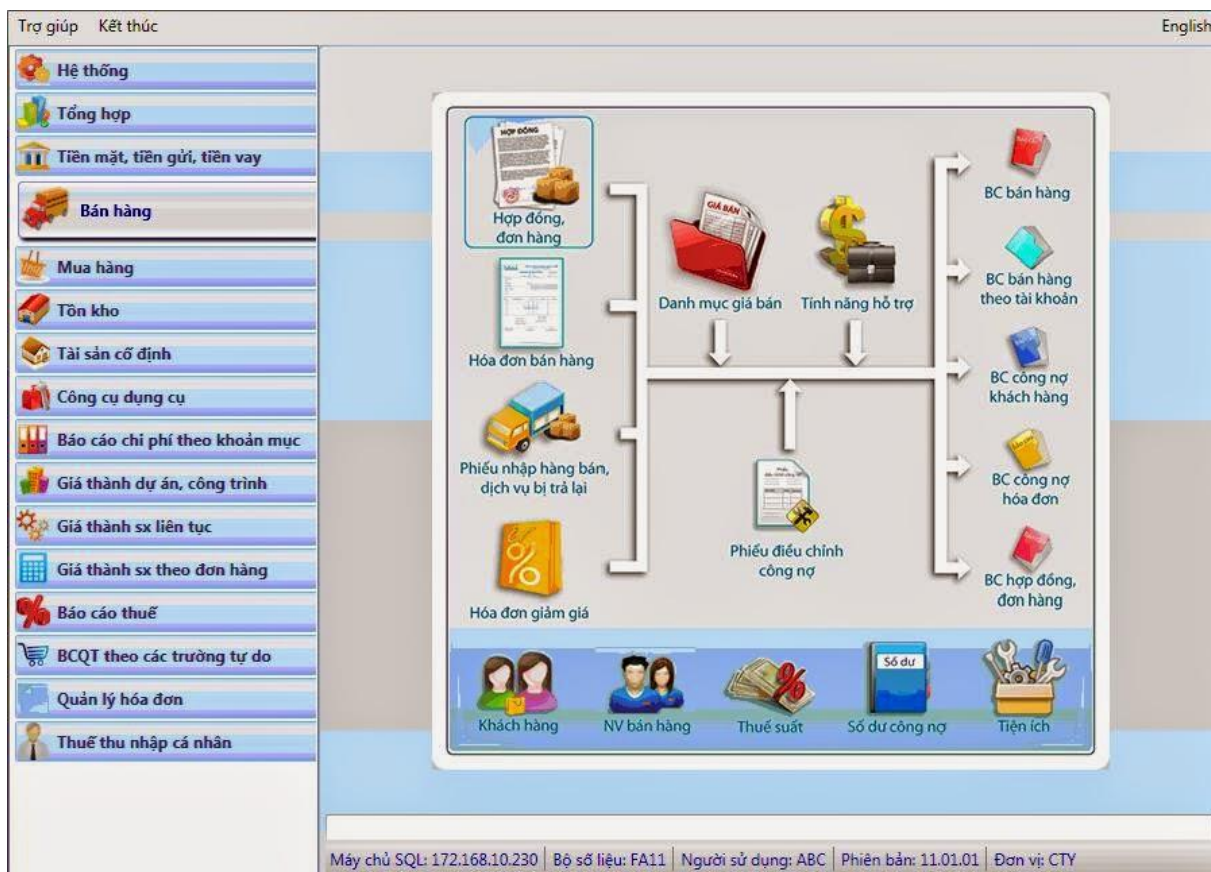
Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 13 phân hệ

Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm

- Gói Enterprise: 12.950.000 đồng

Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – đầy đủ 16 phân hệ

Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm



Phần mềm kế toán Fast

Là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến cấp tập đoàn. Các doanh nghiệp lớn đến cấp tập đoàn thì nên dùng phần mềm kế toán fast.

Như MISA, Fast cũng có nhiều ưu điểm như: giao diện thân thiện, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, Fast có một hệ thống báo cáo đa dạng người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.
- Tốc độ xử lý tương đối tốt.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

- Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.

- Dễ dàng truy xuất thông tin.

Nhược điểm:

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

- Độ bảo mật chưa thực sự ấn tượng.

- Các hướng dẫn đính kèm còn sơ sài, chưa rõ ràng, làm thành từng video như MISA

Báo giá phần mềm kế toán FAST:

Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm
Dịch vụ (12 phân hệ)	5.900.000
Thương mại (13 phân hệ)	7.900.000
Xây lắp (14 phân hệ)	9.900.000
Sản xuất (15 phân hệ)	11.900.000

Phần mềm kế toán 3TSOFT

Về sản phẩm

✓ Phần mềm kế toán 3Tsoft đã được chứng nhận đăng ký bản quyền tác giả tháng 10/2010 do Cục bản quyền tác giả theo số 2671/2010/QTG.

✓ Giá thành cực thấp với phiên bản Tiếng Việt (Bao gồm TT200 & TT133) mức phí: 2.000.000 đồng 01 bản quyền trọn đời.

✓ Với ưu đãi cực lớn như: Tặng 1 năm hỗ trợ, bảo trì miễn phí, cập nhật nâng cấp thay đổi phiên bản không mất thêm chi phí.

✓ Video kế toán máy, nghiệp vụ mẫu phong phú.

Các ưu điểm vượt trội so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường

• Dùng thử không giới hạn thời gian, đầy đủ tiện ích, không bị ảnh hưởng dữ liệu đã nhập khi chuyển từ dùng thử sang dùng chính thức.

• Tích hợp máy quét mã vạch.

• Phần mềm có tốc độ xử lý nhanh, gọn nhẹ, phím tắt đồng nhất các phân hành giúp người dùng cắt giảm hầu hết các thao tác “nút bấm” và “click chuột”..., nâng cao tốc độ tác nghiệp, tiết kiệm thời gian...

- Bản quyền kép cho phép sao chép nhiều chứng từ sử dụng chung cho dữ liệu Thuế - Nội bộ, Công ty mẹ - các chi nhánh,...

- Không giới hạn số máy tính sử dụng, số người sử dụng.
- Không giới hạn số công ty trên một phần mềm.
- Cho phép kết nối dữ liệu qua Internet.
- Cho phép cập nhật 100% dữ liệu từ Excel bao gồm: các chứng từ nhập – xuất, thu – chi, danh mục đối tượng, vật tư hàng hóa, số dư đầu kỳ tài khoản, tồn kho đầu kỳ,...

- Kết xuất nhanh chóng tờ khai thuế, BCTC sang trực tiếp ứng dụng HTKK

- Phần mềm đa ngôn ngữ: Tiếng Việt; Việt – Anh; Việt – Nhật; Việt – Trung; Việt – Hàn.

- Linh hoạt sửa mẫu báo cáo, in ấn chứng từ, sổ sách hàng loạt một cách dễ dàng, đánh lại số chứng từ hàng loạt theo yêu cầu của người sử dụng.

- Tính giá vốn, tính khấu hao và tính chênh lệch tỷ giá tự động.
- Chức năng kiểm tra sai sót sửa chữa báo cáo chứng từ nhanh chóng tiện ích.

- Sao lưu – phục hồi, truyền nhận dữ liệu dễ dàng giữa các máy tính.

- Vận dụng linh hoạt cho mọi loại hình dịch vụ, thương mại, sản xuất, xây dựng.

- Cho phép mở nhiều cửa sổ cùng lúc, thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra

- Sử dụng công nghệ hiện đại . NET + Microsoft SOL Server.

- Hỗ trợ Unicode.

- Và nhiều tính năng ưu việt khác...

Căn cứ vào các ưu, nhược điểm, giá cả và tính năng của 3 phần mềm nêu trên, em tư vấn công ty nên sử dụng phần mềm kế toán 3TSOFT vì phần mềm này vừa phù hợp với đặc điểm loại hình kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp,

có nhiều tính năng vượt trội hơn nữa chi phí tương đối thấp đáp ứng được nhu cầu của công ty.

Hai phần mềm trên đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trong bộ cho phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sử dụng phần mềm mà công ty sẽ sử dụng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt tại Thái Bình, cũng như nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Công Nghiệp Bắc Việt”** làm đề tài khóa luận. Đề tài đã giải quyết được một số vấn đề sau:

❖ Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

❖ Về mặt thực tiễn:

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2017 tại Công ty CPCN Bắc Việt.
- Đánh giá được những ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

.2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPCN Bắc Việt :

- Giải pháp thứ nhất: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán
- Giải pháp thứ hai: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán
- Giải Pháp thứ ba: Áp dụng phần mềm kế toán